

LỜI CẢM ƠN

*Ới lòng biết ơn chân thành nhất, em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo –
Ths Phạm Thị Khánh Ngọc, người thầy đã chỉ bảo, hướng dẫn tận tình
giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.*

*Em xin chân thành cảm ơn Nhà trường cùng các thầy, cô giáo trong
khoa Văn Hóa Du Lịch, trường ĐHQĐ Hải Phòng đã tận tình dạy dỗ
em trong suốt quá trình học tập tại trường, đã tạo những điều kiện, cơ hội tốt
nhất cho em được học tập và phấn đấu theo đuổi mục đích, ngành nghề mà
em hướng tới trong tương lai.*

*Em xin cảm ơn sự giúp đỡ của các cán bộ thuộc Sở Văn hóa, Thể thao
và Du lịch Hải Dương đã cung cấp những tài liệu, những thông tin cần
thiết liên quan để em có thể hoàn thành bài khóa luận.*

*Cuối cùng, cảm ơn gia đình, bạn bè đã luôn bên cạnh động viên, giúp
đỡ tạo điều kiện cho em trong cuộc sống cũng như trong học tập để em hoàn
thành tốt khóa luận.*

Em xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Thương

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
PHẦN NỘI DUNG.....	6
Chương I: Vai trò của Du lịch đối với sự phát triển kinh tế xã hội.....	6
<u>1.1. Khái quát chung về du lịch.....</u>	<u>6</u>
1.1.1. Một số khái niệm trong du lịch.....	6
1.1.2. Tài nguyên du lịch.....	8
1.1.3. Đặc điểm của sản phẩm du lịch.....	9
1.1.4. Các loại hình du lịch.....	10
1.1.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch.....	13
1.1.6. Chức năng của hoạt động du lịch.....	16
1.2. Vai trò của hoạt động du lịch.....	17
1.2.1. Vai trò của hoạt động du lịch đối với sự phát triển kinh tế xã hội....	17
1.2.2. Vai trò của hoạt động du lịch đối với sự phát triển kinh tế xã hội HD.....	19
Chương II: Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Hải Dương.....	20
<u>2.1. Tiềm năng phát triển du lịch Hải Dương.....</u>	<u>20</u>
2.1.1. Giới thiệu chung về Hải Dương.....	20
2.1.2. Tài nguyên du lịch Hải Dương.....	22
2.1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	22
2.1.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn.....	27
2.1.2.3. Văn hóa ẩm thực.....	39
2.1.2.4. Kết cấu hạ tầng.....	40
2.1.3. Đánh giá chung về tài nguyên du lịch.....	43
2.1.3.1. Thuận lợi.....	43
2.1.3.2. Khó khăn.....	45
<u>2.2. Thực trạng phát triển du lịch Hải Dương.....</u>	<u>45</u>
2.2.1. Thị trường khách du lịch ở Hải Dương.....	45
2.2.1.1. Thị trường khách quốc tế.....	46
2.2.1.2. Thị trường khách nội địa.....	47
2.2.2. Các hoạt động dịch vụ du lịch của Hải Dương.....	49

2.2.2.1. Dịch vụ lưu trú.....	49
2.2.2.2. Dịch vụ ăn uống.....	50
2.2.2.3. Hoạt động vận chuyển.....	51
2.2.2.4. Hoạt động lễ hành.....	52
2.2.2.5. Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch khác (Dùng chân, mua sắm, vui chơi, giải trí, thể thao.....)	53
2.2.3. Đầu tư trong du lịch.....	57
2.2.4. Lao động trong du lịch.....	59
2.2.5. Những thành công và hạn chế.....	61
2.2.5.1. Những thành công.....	61
2.2.5.2. Một số hạn chế.....	61
2.2.5.3. Nguyên nhân.....	62
Chương III. Phương hướng và giải pháp phát triển.....	64
3.1. Phương hướng phát triển du lịch Hải Dương.....	64
3.2. Các giải pháp phát triển.....	68
3.2.1. Nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh, quản lý nhà nước về du lịch và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ du lịch.....	68
3.2.2. Giải pháp về cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch.....	69
3.2.3. Giải pháp đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch đặc thù.....	71
3.2.4. Khai thác, bảo tồn tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn theo quan điểm phát triển bền vững.....	72
3.2.5. Đẩy mạnh xúc tiến quảng bá mở rộng thị trường.....	74
3.2.6. Giải pháp về vốn.....	76
3.3 Một số kiến nghị.....	77
3.3.1. Kiến nghị với Bộ Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch.....	77
3.3.2. Kiến nghị với UBND tỉnh Hải Dương.....	77
3.3.3. Kiến nghị với chính quyền địa phương.....	78
KẾT LUẬN.....	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	80

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Du lịch được coi là một hiện tượng kinh tế xã hội xuất hiện từ rất sớm. mới đầu chỉ là những hoạt động di chuyển thường như những cuộc hành hương theo tín ngưỡng từ nơi này đến nơi khác, thăm viếng người thân, hội họp... Ngày với sự phát triển của kinh tế xã hội, du lịch đang dần dần trở thành một nhu cầu không thể thiếu của con người, ngành du lịch trở thành một ngành kinh tế quan trọng. Du lịch được coi là ngành kinh tế tổng hợp, ngành công nghiệp không khói, nó đóng vai trò thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển như: giao thông vận tải, xây dựng, thông tin liên lạc, ngân hàng, y tế... Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế lớn, đối với nhiều quốc gia trên thế giới nó được coi là ngành kinh tế trọng điểm. Đối với các nước đang phát triển, du lịch càng có ý nghĩa quan trọng, nó không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn tạo ra sự tiến bộ xã hội, tình hữu nghị, hòa bình, đẩy mạnh giao lưu, tăng cường khả năng hội nhập giữa các vùng miền, các nước trong khu vực và trên thế giới. Cùng với sự phát triển của du lịch thế giới, ngành du lịch Việt Nam ngày càng phát triển và đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Là một tỉnh nằm trong khu vực tam giác kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, Hải Dương cũng là một tỉnh có nhiều điều kiện để phát triển du lịch, có điều kiện về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, hơn nữa Hải Dương cũng là một tỉnh có nhiều điểm tham quan hấp dẫn và có ý nghĩa với các khu di tích lịch sử, thắng cảnh gắn liền với nhiều danh nhân dân tộc như: Nguyễn Trãi, Trần Hưng Đạo, Chu Văn An, Mạc Thị Bưởi, ... thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế, đặc biệt trong các tour du lịch văn hóa và lễ hội. Trong những năm gần đây, du lịch Hải Dương đặc có những bước phát triển đáng kể, góp phần thúc đẩy nền kinh tế - xã hội. Tuy nhiên du lịch Hải Dương vẫn chưa thực sự được quan tâm phát triển, chưa khai thác hết tiềm năng vốn có

của nó, nhiều khu du lịch, điểm du lịch chưa có sự quy hoạch hợp lý, cụ thể, du khách vẫn chưa biết nhiều đến du lịch Hải Dương. Do vậy nghiên cứu tiềm năng, thực trạng và đưa ra giải pháp phát triển là vấn đề cần thiết.

2. Mục đích, giới hạn và nhiệm vụ của đề tài.

- Mục đích nghiên cứu.

Nghiên cứu tiềm năng du lịch của Hải Dương đồng thời đánh giá hiện trạng đầu tư du lịch, khả năng khai thác tiềm năng đó cho phát triển du lịch, và trên cơ sở đó có những đề xuất về giải pháp phát triển du lịch của tỉnh trong tương lai.

- Giới hạn.

Đề tài khóa luận giới hạn trong phạm vi tỉnh Hải Dương. Tập trung vào việc nghiên cứu tiềm năng, thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển du lịch.

- Nhiệm vụ

Giới thiệu tiềm năng du lịch Hải Dương.

Đánh giá hiện trạng khai thác, phát triển du lịch của tỉnh.

Đề ra một số giải pháp cho việc phát triển du lịch của tỉnh trong thời gian tới.

3. Phương pháp nghiên cứu.

Khóa luận đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp điều tra thực địa.
- Phương pháp dự báo
- Phương pháp phân tích tổng hợp
- Phương pháp thu thập và xử lý thông tin.

4. Kết cấu của khóa luận.

Ngoài lời mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, bài khóa luận gồm 3 chương.

Chương I: Vai trò của du lịch đối với sự phát triển kinh tế xã hội.

Chương II: Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch của tỉnh Hải Dương.

Chương III: Giải pháp phát triển du lịch tỉnh Hải Dương.

PHẦN NỘI DUNG

Chương I: Vai trò của Du lịch đối với sự phát triển kinh tế xã hội.

1.1. Khái quát chung về du lịch

1.1.1. Một số khái niệm trong du lịch.

- Khái niệm du lịch.

Từ xa xưa trong lịch sử nhân loại du lịch đã được ghi nhận như là một sở thích, một hoạt động nghỉ ngơi tích cực của con người. ngày nay du lịch trở thành một hiện tượng kinh tế xã hội phổ biến và là nhu cầu không thể thiếu trong đời sống xã hội.

Thuật ngữ du lịch đã trở nên khá thông dụng, nó bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp với ý nghĩa là đi một vòng. Du lịch gắn liền với nghỉ ngơi, giải trí, tuy nhiên do hoàn cảnh , thời gian và khu vực khác nhau, dưới mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau nên khái niệm về du lịch cũng không giống nhau.

Trong cuốn Cơ sở địa lý du lịch và dịch vụ thăm quan với một nội dung khá chi tiết nhà địa lý Belarus đã nhấn mạnh “Du lịch là một dạng hoạt động của cư dân, trong thời gian rời có liên quan đến sự di cư và lưu trú tạm thời ngoài nơi ở thường xuyên, nhằm mục đích phát triển thể chất, tinh thần nâng cao trình độ nhận thức, văn hóa hoặc hoạt động thể thao, kèm theo việc tiếp thu những giá trị về tự nhiên, kinh tế, văn hóa và dịch vụ”.

Năm 1963, với mục đích quốc tế hóa, tại hội nghị Liên Hợp Quốc về du lịch họp tại Roma, các chuyên gia đã đưa ra định nghĩa về du lịch: “Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ , hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hòa bình. Nơi họ đến cư trú không phải là nơi làm việc của họ”

Theo tổ chức du lịch thế giới WTO: Du lịch là tổng thể các hiện tượng và các mối quan hệ xuất phát từ sự giao lưu giữa du khách và các nhà kinh doanh,

chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư trong quá trình thu hút và đón tiếp khách.

Luật du lịch Việt Nam năm 2006 đã đưa ra khái niệm như sau: Du lịch là các hoạt động liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định.

- Khái niệm khách du lịch.

Khách du lịch là những người từ nơi khác đến vào thời gian rảnh rỗi của họ nhằm mục đích thỏa mãn tại nơi đến về nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí, nâng cao hiểu biết, phục hồi sức khỏe.

Có nhiều khái niệm khác nhau về khách du lịch, tuy nhiên do hoàn cảnh thực tế của mỗi nước, dưới quan điểm khác nhau của các học giả, các định nghĩa được đưa ra không hoàn toàn giống nhau.

Khách du lịch đều được coi là là người đi khỏi nơi cư trú thường xuyên của mình và không theo đuổi mục đích kinh tế.

Luật du lịch Việt Nam năm 2006 đã đưa ra khái niệm về khách du lịch như sau: Khách du lịch là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch trừ trường hợp đi học, làm việc hoặc hành nghề để nhận thu nhập ở nơi đến.

Khách du lịch gồm khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế:

+ Khách du lịch nội địa là công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam ra nước ngoài du lịch.

+ Khách du lịch quốc tế, là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam đi du lịch, công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú ở Việt Nam ra nước ngoài du lịch.

- Khái niệm khu du lịch.

Các nhà khoa học du lịch Trung Quốc đã đưa khái niệm sau về khu du lịch: Khu du lịch được xác định là đơn vị cơ bản để làm quy hoạch và quản lý du lịch, là thể tổng hợp địa lý lấy chức năng du lịch làm chính và nội dung quy hoạch quản lý để triển khai các hoạt động du lịch.

Theo luật du lịch Việt Nam năm 2006: Khu du lịch là nơi có tài nguyên du lịch ưu thế, nổi bật về tài nguyên thiên nhiên được quy hoạch đầu tư phát triển, nhằm thỏa mãn nhu cầu đa dạng của khách du lịch đem lại hiệu quả kinh tế xã hội và môi trường.

1.1.2. Tài nguyên du lịch.

- Khái niệm tài nguyên du lịch.

Luật du lịch Việt Nam đã đưa ra khái niệm về tài nguyên du lịch như sau: Tài nguyên du lịch được hiểu là cảnh quan thiên nhiên, các di tích lịch sử cách mạng, các giá trị nhân văn, các công trình sáng tạo của con người có thể sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản hình thành điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo sự hấp dẫn với du khách.

Cuốn địa lý du lịch được các tác giả nghiên cứu và đưa ra khái niệm tài nguyên du lịch như sau: “Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hóa lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch.

- Vai trò của tài nguyên du lịch trong việc phát triển du lịch”.

Du lịch là một ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến cấu trúc và chuyên môn hóa của vùng du lịch. Quy mô hoạt động của một vùng, một quốc gia được xác định trên cơ sở khối lượng nguồn tài nguyên. Sức hấp dẫn của vùng du lịch phụ thuộc nhiều vào tài nguyên du lịch.

Tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố cơ sở để tạo nên vùng du lịch. Số lượng tài nguyên vốn có, chất lượng của chúng và mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên lãnh thổ có ý nghĩa đặc biệt trong việc hình thành và phát triển du lịch của một vùng hay một quốc gia. Một lãnh thổ nào đó có nhiều tài nguyên du lịch với chất lượng cao, mức độ kết hợp tài nguyên phong phú sẽ thu hút khách du lịch càng mạnh.

- Phân loại tài nguyên du lịch.

Tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch tự nhiên: là các đối tượng và hiện tượng trong môi trường tự nhiên bao quanh chúng ta có khả năng làm thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch như: nghỉ ngơi, tham quan, nghiên cứu khoa học, vui chơi, giải trí... được con người khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch. Tài nguyên du lịch bao gồm: vị trí địa lý, địa hình, nguồn nước, khí hậu, sinh vật.

Tài nguyên du lịch nhân văn: theo luật du lịch Việt Nam năm 2006: tài nguyên du lịch nhân văn gồm: truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử cách mạng, kiến trúc các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hóa phi vật thể sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

1.1.3. Đặc điểm của sản phẩm du lịch.

Sản phẩm du lịch là tập hợp tất cả các dịch vụ cần thiết để thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch.

Sản phẩm du lịch có sự khác biệt với sản phẩm thông thường khác:

Sản phẩm du lịch thường mang tính vô hình, nó được bán trước khi khách du lịch nhìn thấy, khách hàng không thể thử nghiệm được như những hàng hóa thông thường khác.

Sản phẩm du lịch thường ở xa nơi cư trú thường xuyên của khách trong khi các hàng hóa khác thường ở gần và thuận lợi cho nhu cầu tiêu dùng của khách vì vậy muốn mua sản phẩm du lịch đòi hỏi khách hàng phải sử dụng hệ thống các nhà trung gian.

Khách hàng mua sản phẩm du lịch thường phải tốn nhiều thời gian và tiền bạc, nhưng họ lại ít trung thành với sản phẩm du lịch.

Sản phẩm du lịch được tạo ra bởi nhiều ngành kinh doanh khác nhau như: kinh doanh lữ hành, kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, kinh doanh vận chuyển khách du lịch, dịch vụ vui chơi, giải trí... hàng hóa thông thường khác

được tạo ra bởi một ngành kinh doanh nhất định do vậy với du lịch để tạo ra một sản phẩm đồng nhất là rất khó khăn.

Sản phẩm du lịch không thể dịch chuyển được. Sản phẩm du lịch được tạo ra gắn với tài nguyên du lịch, không thể đưa sản phẩm du lịch đến nơi có du khách mà bắt buộc khách du lịch phải đến nơi có sản phẩm du lịch để thỏa mãn nhu cầu du lịch của mình thông qua việc tiêu dùng các sản phẩm du lịch.

Sản phẩm du lịch không thể cất trữ, tồn kho như các hàng hóa thông thường khác, quá trình tạo ra và tiêu dùng sản phẩm du lịch là đồng thời, do vậy khó khăn để tạo ra sự ăn khớp giữa sản xuất và tiêu dùng sản phẩm du lịch.

Hoạt động kinh doanh du lịch thường mang tính thời vụ nên việc tiêu dùng sản phẩm du lịch thường không diễn ra đều đặn mà chỉ có thể trong thời gian nhất định.

1.1.4. Các loại hình du lịch

Hoạt động du lịch có thể phân loại thành các nhóm khác nhau tùy thuộc vào tiêu chí đưa ra.

- Căn cứ vào môi trường tài nguyên

Hoạt động du lịch chia làm hai nhóm lớn là du lịch văn hóa và du lịch thiên nhiên.

Du lịch văn hóa diễn ra chủ yếu trong môi trường nhân văn, là tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn, nó thu hút khách du lịch bởi tính phong phú độc đáo, tính truyền thống cũng như tính địa phương của nó. Bao gồm các công trình đương đại, các di tích lịch sử, lễ hội, phong tục tập quán...

Ngược lại du lịch thiên nhiên diễn ra nhằm thỏa mãn nhu cầu về giới tự nhiên của con người. Trong số các loại hình du lịch thiên nhiên có thể kể đến loại hình du lịch biển, du lịch núi, du lịch thôn quê, du lịch sinh thái... du lịch thiên nhiên được coi là loại hình du lịch đưa khách về những nơi có điều kiện môi trường tự nhiên trong lành, cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn, nhằm thỏa mãn nhu cầu đặc trưng của họ.

- Căn cứ vào mục đích chuyến đi

Chuyến đi của con người có thể mang mục đích thuần túy, du lịch tức là chỉ nhằm mục đích nghỉ ngơi, giải trí, nâng cao nhận thức tại chỗ về thế giới xung quanh. Ngoài ra còn có những chuyến đi vì mục đích khác như: học tập, công tác, hội nghị hội thảo, thể thao, tôn giáo... Trong những chuyến đi này người ta sử dụng các dịch vụ lưu trú, ăn uống tại khách sạn, nhà nghỉ, và tranh thủ thời gian rảnh rỗi để thăm quan nghỉ ngơi nhằm thẩm nhận những giá trị của thiên nhiên và đời sống văn hóa tại nơi đến. Trên cơ sở đó có thể chia thành các loại hình du lịch như:

- | | |
|---------------------|----------------------|
| + Du lịch tham quan | + Du lịch nghỉ dưỡng |
| + Du lịch thể thao | + Du lịch khám phá |
| + Du lịch giải trí. | + Du lịch lễ hội |

+ Du lịch tôn giáo, du lịch nghiên cứu (học tập), du lịch chữa bệnh, du lịch thăm thân, du lịch kinh doanh – đây là những hình thức du lịch kết hợp

- Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ.

Có du lịch quốc tế và du lịch nội địa.

Du lịch quốc tế là loại hình du lịch mà trong quá trình thực hiện có sự giao tiếp với người nước ngoài, một trong hai phía phải sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp. Về mặt không gian địa lý du khách đi ra ngoài đất nước của họ, về mặt kinh tế có sự thanh toán bằng ngoại tệ. Du lịch quốc tế chia làm hai loại nhỏ là du lịch đón khách và du lịch gửi khách.

+ Du lịch đón khách: là loại hình du lịch quốc tế phục vụ và đón tiếp khách nước ngoài đi du lịch, nghỉ ngơi, tham quan các đối tượng du lịch trong đất nước của cơ quan cung ứng du lịch.

+ Du lịch gửi khách: là loại hình du lịch quốc tế phục vụ và tổ chức đưa khách từ trong nước đi du lịch, nghỉ ngơi, tham quan các đối tượng du lịch ở nước ngoài.

Du lịch nội địa được hiểu là các các hoạt động tổ chức phục vụ khách trong nước hoặc người nước ngoài cư trú đi du lịch, nghỉ ngơi tham quan, các

đối tượng trong phạm vi lãnh thổ quốc gia. Về cơ bản không có sự thanh toán bằng ngoại tệ

- Căn cứ theo đặc điểm địa lý của điểm du lịch

Điểm đến du lịch có thể nằm ở những vùng địa lý khác nhau, việc phân loại theo đặc điểm địa lý của điểm du lịch cho phép chúng ta định hướng được công tác tổ chức triển khai phục vụ nhu cầu của khách du lịch theo tiêu trí này có thể có các loại hình du lịch sau:

+ Du lịch biển

Mục tiêu chủ yếu của khách là về với thiên nhiên, tham gia các hoạt động du lịch biển như tắm biển, thể thao biển, lặn biển...

+ Du lịch núi

2/3 diện tích nước ta là địa hình đồi núi, cảnh quan lại rất đẹp nên thu hút khách du lịch đến tham quan, nghỉ dưỡng, cắm trại, leo núi, nghiên cứu...

Những điểm du lịch nghỉ núi nổi tiếng ở nước ta phải kể đến như: Tam Đảo, Sa Pa, Mẫu Sơn, Đà Lạt, Ba Vì...

+ Du lịch thôn quê

Đối với người dân các đô thị, làng quê là nơi có không khí trong lành, cảnh vật thanh bình và không gian thoáng đãng. Tất cả các yếu tố đó lại không tìm thấy ở thành thị. Như vậy về nông thôn có thể giúp họ phục hồi sức khỏe sau những chuỗi ngày làm việc căng thẳng. Về phương diện kinh tế người dân thành thị thấy giá cả nhiều mặt hàng nông sản thực phẩm ở nông thôn rẻ hơn, tươi hơn. Điều đó là tăng mối thiện cảm khi du khách tiềm năng quyết định đi du lịch về nông thôn. Mặt khác người dân đô thị tìm thấy ở nông thôn cội nguồn của mình, nhiều người tìm thấy tuổi thơ của mình...điều đó thôi thúc họ đi du lịch về với thôn quê.

- Căn cứ vào phương tiện giao thông.

Có du lịch bằng ô tô, xe máy, xe đạp, du lịch bằng máy bay, tàu hỏa, tàu thủy...

- Căn cứ vào loại hình lưu trú.

Lưu trú là một trong những nhu cầu chính của du khách trong chuyến đi du lịch. Dưới góc độ kinh doanh dịch vụ trong giai đoạn hiện nay, tùy theo khả năng chi trả và sở thích của khách, hiện trạng và khả năng cung ứng của đối tác mà trong từng chuyến đi du khách có thể được bố trí tại cơ sở lưu trú phù hợp. có một số loại hình lưu trú sau: khách sạn, motel, bungalow, làng du lịch, camping, nhà nghỉ...

- Căn cứ vào độ dài chuyến đi.

Có du lịch ngắn ngày và du lịch dài ngày.

Du lịch trong thời gian dưới một tuần là du lịch ngắn ngày, du lịch cuối tuần là một dạng du lịch ngắn ngày. Các chuyến du lịch dài ngày có thể kéo dài đến một năm. Tuy nhiên du lịch ngắn ngày vẫn là chủ yếu. Du lịch dài ngày thường là những chuyến thám hiểm, nghỉ dưỡng, chữa bệnh.

- Căn cứ vào hình thức tổ chức chuyến đi.

Có du lịch theo đoàn, du lịch cá nhân, du lịch gia đình...

Đại đa số các chuyến đi đều mang tính tập thể: học sinh, sinh viên, công nhân, cán bộ công chức... hiện nay du lịch gia đình ngày càng trở thành hiện tượng phổ biến tại Việt Nam.

- Căn cứ theo lứa tuổi du khách.

Theo lứa tuổi du lịch có thể chia thành: du lịch thiếu niên, du lịch thanh niên, du lịch trung niên, du lịch người cao tuổi.

- Căn cứ theo phương thức hợp đồng.

Nếu nhìn theo góc độ thị trường, có thể chia các chuyến du lịch thành du lịch trọn gói và du lịch từng phần.

1.1.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch.

- Dân cư và lao động.

Dân cư là lực lượng sản xuất quan trọng của xã hội và cũng là đối tượng phục vụ của hoạt động du lịch. Cùng với lao động, dân cư còn có nhu cầu nghỉ ngơi giải trí, số người lao động và học sinh, sinh viên tăng lên kéo

theo sự gia tăng của các loại hình du lịch khác nhau. Việc nắm bắt đúng và đầy đủ về số dân, thành phần dân tộc, đặc điểm nhân khẩu và sự phân bố dân cư có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển du lịch.

- Điều kiện kinh tế xã hội.

Sự phát triển của nông nghiệp và ngành công nghiệp dịch vụ có ý nghĩa quan trọng đối với du lịch vì ngành du lịch tiêu thụ một khối lượng lớn lương thực, thực phẩm.

Một số ngành công nghiệp nhẹ đóng một vai trò không kém phần quan trọng cung ứng vật tư cho du lịch như ngành công nghiệp dệt, công nghiệp thủy tinh, sành sứ, đồ gốm, công nghiệp chế biến gỗ.

Mạng lưới giao thông vận tải là một trong những nhân tố chính cho sự phát triển du lịch, đặc biệt đối với du lịch quốc tế. giao thông vận tải phát triển cả về số lượng và chất lượng sẽ đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch.

- Nhu cầu nghỉ ngơi giải trí.

Nhu cầu đi du lịch và sự thay đổi của nó theo không gian và thời gian trở thành một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch. Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch là một hệ thống gồm 3 mức độ là: xã hội, nhóm người và cá nhân.

- Thời gian rỗi.

Là thời gian ngoài giờ lao động trong đó diễn ra các hoạt động nhằm phục hồi và phát triển thể lực, trí tuệ và tinh thần của con người.

Du lịch được thực hiện trong thời gian rỗi, không có thời gian rỗi con người không thể đi du lịch. Thời gian rỗi là điều kiện cần phải có để tham gia vào hoạt động du lịch.

Hoạt động du lịch hướng con người sử dụng thời gian rỗi vào các hoạt động mang lại lợi ích nâng cao hiểu biết và phục hồi sức khỏe. Trên cơ sở đó thay đổi cơ cấu thời gian ngoài giờ làm việc và thời gian rỗi.

- Trình độ dân trí.

Sự phát triển của hoạt động du lịch phụ thuộc vào trình độ văn hóa chung của người dân đất nước đó. Trình độ văn hóa của cộng đồng được nâng cao thì nhu cầu đi du lịch của nhân dân ở đó phát triển. Tại các quốc gia phát triển, du lịch trở thành một nhu cầu không thể thiếu được của người dân.

Trình độ dân trí được thể hiện bằng hành động, cách ứng xử với môi trường tự nhiên xung quanh, bằng thái độ của khách với dân địa phương, bằng cách ứng xử của khách tại nơi đến du lịch, sẽ tạo điều kiện thúc đẩy du lịch phát triển và ngược lại nó sẽ kìm hãm sự phát triển của hoạt động du lịch.

- Điều kiện sống và quá trình đô thị hóa.

Trong quá trình đi du lịch đòi hỏi khách phải có khả năng thanh toán các dịch vụ, như vậy chỉ khi có nhu cầu cao, có điều kiện sống tốt con người mới nghĩ đến việc đi du lịch, đi nghỉ ngơi, tham quan tìm hiểu.

Quá trình đô thị hóa có những đóng góp to lớn trong việc cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của con người. song quá trình đô thị hóa cũng mang lại nhiều hạn chế như: dân cư đông đúc, ô nhiễm môi trường, ô nhiễm tiếng ồn... có ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe người dân. Do vậy nhu cầu đi du lịch về những miền quê có không khí trong lành thoáng mát, để giảm bớt sự căng thẳng mệt mỏi xuất hiện và gia tăng nhanh, tạo điều kiện phát triển du lịch.

- Chính sách phát triển du lịch.

Chính sách phát triển du lịch của nhà nước, chính quyền địa phương có vai trò quan trọng đối với sự phát triển du lịch. Trên thế giới hiện nay hầu như đất nước nào cũng tồn tại một bộ máy quản lý xã hội nói chung, bộ máy quản lý đó có vai trò quyết định đến các lĩnh vực của đất nước đó và hoạt động du lịch cũng không nằm ngoài quy luật chung ấy.

Một khu vực, một đất nước có tài nguyên du lịch tương đối hấp dẫn, mức sống của người dân không thấp nhưng nếu không có chính sách phát triển du lịch phù hợp của các chính quyền, không có các chính sách hỗ trợ cho

các hoạt động du lịch thì hoạt động du lịch không thể phát triển được và ngược lại sẽ kích thích sự phát triển của du lịch.

- Nhân tố an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Không khí chính trị hòa bình bảo đảm cho việc mở rộng các mối quan hệ kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hóa và chính trị giữa các dân tộc. trong phạm vi các mối quan hệ kinh tế quốc tế sự trao đổi du lịch quốc tế ngày càng phát triển và mở rộng. Du lịch nói chung và hoạt động du lịch quốc tế nói riêng chỉ có thể phát triển được trong bầu không khí hòa bình, ổn định, tình đoàn kết hữu nghị của dân tộc trên thế giới. Một dân tộc có an ninh, chính trị ổn định sẽ thu hút được khách du lịch đến tham quan, vì họ cảm thấy yên ổn, tính mạng được coi trọng. Tại những nơi này du khách có thể đi lại tự do mà không cần lo sợ và không cần sự chú ý đặc biệt nào. Do vậy nhờ du lịch mà các dân tộc hiểu biết lẫn nhau, gần gũi nhau hơn và có khuynh hướng hòa bình hơn.

1.1.6 Chức năng của hoạt động du lịch.

Hoạt động du lịch có 4 chức năng cơ bản sau:

- Chức năng xã hội.

Du lịch tạo công ăn việc làm cho người lao động, giảm bớt nạn thất nghiệp, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Du lịch góp phần phục hồi và giữ gìn sức khỏe, tăng cường sức sống, kéo dài tuổi thọ, làm tăng khả năng lao động của con người, nâng cao hiệu quả lao động.

Hoạt động du lịch làm tăng thêm tinh thần đoàn kết cộng đồng, thông qua hoạt động du lịch người dân và khách du lịch hiểu biết thêm về truyền thống dân tộc, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, khơi dậy niềm tự hào dân tộc.

Hoạt động du lịch góp phần khôi phục và phát triển truyền thống văn hóa của dân tộc, làm tăng thêm vốn sống và hiểu biết của du khách.

- Chức năng kinh tế.

Về phương diện kinh tế, du lịch là một ngành dịch vụ mà sản phẩm của nó dựa trên sự bao hàm các sản phẩm có chất lượng cao của các ngành kinh tế. Dịch vụ du lịch là một ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt, nhưng khi nền kinh tế thấp kém thì cho dù nguồn tài nguyên du lịch có phong phú đến đâu cũng khó có thể phát triển được vì khi đi du lịch khách có nhu cầu sử dụng các loại hàng hóa có chất lượng cao hiện đại.

Hoạt động du lịch làm thay đổi cán cân thu, chi của một vùng, đất nước.

- Chức năng môi trường.

Du lịch góp phần bảo tồn và khẳng định giá trị của các di sản tự nhiên quan trọng, phát triển các khu bảo tồn, các vườn quốc gia, bảo vệ các loại động vật hoang dã, quý hiếm đáp ứng nhu cầu tham quan của khách du lịch.

Du lịch góp phần bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường. Du khách có thể tham gia vào các hoạt động làm sạch môi trường và cung cấp các sáng kiến và bảo vệ môi trường thông qua việc kiểm soát chất lượng không khí, đất, nước, rác thải... cải thiện môi trường thông qua quy trình quy hoạch cảnh quan, thiết kế xây dựng và bảo dưỡng công trình kiến trúc.

- Chức năng chính trị.

Hoạt động du lịch là cầu nối hòa bình giữa các dân tộc trên thế giới. Du lịch giúp mọi người xích lại gần nhau hơn củng cố tình đoàn kết hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc. Như các cuộc viếng thăm lại chiến trường xưa của cựu chiến binh Pháp, Mỹ, sau khi trở về nước họ, họ trở thành những thành viên tích cực tuyên truyền, xây dựng, vun đắp tình hữu nghị. Có thể nói khách du lịch là những sứ giả hòa bình.

1.2. Vai trò của hoạt động du lịch.

1.2.1. Vai trò của hoạt động du lịch đối với sự phát triển kinh tế xã hội

Trong sự phát triển của khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế quan trọng đối với quốc gia, là ngành kinh tế

tổng hợp có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội, văn hóa chính trị.

Hoạt động du lịch góp phần phát triển kinh tế của đất nước. Du lịch phát triển kéo theo sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác và tăng ngoại tệ, có nguồn vốn lớn để đầu tư vào các lĩnh vực khác như: y tế, giáo dục, môi trường...

Nhu cầu của khách du lịch ngày càng cao do đó các ngành kinh tế có liên quan đến việc sản xuất ra các sản phẩm phục vụ du lịch đòi hỏi không ngừng phải đổi mới nâng cao dây truyền công nghệ, đầu tư vốn và sử dụng đội ngũ lao động có chuyên môn. Du lịch có lợi thế là khi bán các sản phẩm cho khách với giá bán lẻ cao, nhưng khách du lịch vẫn cảm thấy hài lòng vì du khách được mua sản phẩm ngay tại nơi sản xuất, khách có thể yên tâm về chất lượng của sản phẩm. Bán hàng cho khách du lịch tiết kiệm được nhiều chi phí như: thuế xuất khẩu, chi phí bảo quản và phí vận chuyển...

Du lịch là ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế quốc dân, đối với nhiều quốc gia là ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Đối với Việt Nam tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, đã xác định vị trí và tầm quan trọng của ngành du lịch “ phát triển du lịch thực sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn”.

Du lịch phát triển tạo việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, nâng cao mức sống của người dân góp phần xóa đói giảm nghèo.

Du lịch góp phần nâng cao nhận thức của người dân về văn hóa từ đó có ý thức giữ gìn, bảo vệ truyền thống văn hóa bản địa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Hoạt động du lịch góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng môi trường, đó là sự bảo vệ tài nguyên du lịch thiết thực nhất mà mỗi du khách khi đi du lịch có thể làm được.

Du lịch phát triển tạo điều kiện nâng cao cơ sở vật chất phục vụ du lịch như: nhà hàng, khách sạn, phương tiện vận chuyển, khu vui chơi... và cơ sở

hạ tầng như: hệ thống đường giao thông, hệ thống điện, nước, hệ thống xử lý chất thải...

Hoạt động du lịch làm tăng thêm tình đoàn kết hữu nghị giữa các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

1.2.2. Vai trò của hoạt động du lịch đối với sự phát triển du lịch tỉnh Hải Dương

Trong những năm qua, du lịch Hải Dương có sự phát triển đáng kể. Hoạt động du lịch đã góp phần quan trọng có ý nghĩa quan trọng và có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, làm thay đổi diện mạo của Hải Dương dưới con mắt của bạn bè bốn phương.

Du lịch làm thay đổi cơ cấu kinh tế, tăng thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Theo thống kê của Sở Văn hóa thể thao và du lịch Hải Dương hiện nay là 1,1 triệu lao động.

Du lịch phát triển kéo theo sự phát triển của các ngành kinh tế khác như: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ...

Hoạt động du lịch làm nâng cao nhận thức của người dân về du lịch, thu hút cộng đồng dân cư tham gia tích cực vào hoạt động du lịch, góp phần bảo vệ môi trường.

Hải Dương cũng được coi là vùng địa linh nhân kiệt, vùng đất giàu truyền thống văn hóa lịch sử. Hiện nay hoạt động du lịch của Hải Dương chưa thực sự phát triển mạnh, các tài nguyên vẫn còn đang ở dạng tiềm năng, lượng khách đến với Hải Dương chưa nhiều, nhưng nhờ có nguồn tài nguyên du lịch tương đối đa dạng, là bước đệm giúp du lịch nói riêng và kinh tế xã hội Hải Dương nói chung ngày càng phát triển, tạo cho Hải Dương có cơ hội giao lưu, mở rộng quan hệ với các địa phương khác để cùng phát triển.

Chương II: Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Hải Dương

2.1. Tiềm năng phát triển du lịch Hải Dương.

2.1.1. Giới thiệu chung về Hải Dương.

Hải Dương là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng – một vùng đất cổ nơi phát tích nền văn minh sông Hồng. Diện tích tự nhiên của toàn tỉnh là 1662km². Có tọa độ địa lý từ 20°43' đến 21°14' vĩ độ bắc, từ 106°03' đến 106°38' kinh độ đông. Thành phố Hải Dương là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, kỹ thuật của tỉnh nằm trên trục đường quốc lộ 5 cách Hà Nội 57km về phía Tây, cách Hải Phòng 45km về phía Đông, và cách thành phố Hạ Long 80km. Năm 2002 Hải Dương có 1,685 triệu người với mật độ dân số 1.022 người/km², trong đó nông thôn chiếm 86%. Dự kiến đến năm 2010 Hải Dương có 1,830 triệu người, với 1,1 triệu lao động. Người dân Hải Dương mến khách, cần cù, có trình độ văn hóa, năng động trong lao động.

Vị trí địa lý của Hải Dương khá thuận lợi trong việc phát triển kinh tế, xã hội cũng như phát triển du lịch. Là một tỉnh nằm trong khu vực tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc: Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, tiếp giáp với 6 tỉnh có sự phát triển mạnh về kinh tế và du lịch như: phía Đông giáp với Hải Phòng, phía Đông bắc giáp với Quảng Ninh, phía Tây giáp với Hưng Yên, phía Nam giáp với Thái Bình, phía Bắc giáp với Bắc Giang, phía tây bắc giáp với Bắc Ninh. Trong đó hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường sông của tỉnh phân bố hợp lý nối liền với các tỉnh, với các trục đường giao thông quan trọng của quốc gia như: quốc lộ 5, quốc lộ 18, quốc lộ 183... và hệ thống đường liên tỉnh đã được nâng cấp thuận lợi cho việc giao lưu trao đổi hàng hóa cũng như giao lưu học hỏi về kinh tế, văn hóa, xã hội. Có thể nói Hải Dương có nhiều điều kiện để phát triển kinh tế xã hội trong đó có du lịch.

Bên cạnh những điều kiện phát triển kinh tế, Hải Dương còn có tiềm năng phát triển du lịch lớn góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Hải Dương là một vùng đất “địa linh nhân kiệt”, vùng văn hóa và tâm linh lớn của cả nước. Theo dòng lịch sử đó để lại cho Hải Dương 1.098 di

tích lịch sử trong đó có 142 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và nhiều di tích được xếp hạng đặc biệt như Côn Sơn – Kiếp Bạc. Hải Dương cũng là miền đất sinh ra và lưu giữ với nhiều tên tuổi của nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới như: danh nhân quân sự thế giới Trần Hưng Đạo, một trong mười tướng tài trên thế giới, vị anh hùng dân tộc Việt Nam với chiến công hiển hách - ba lần chiến thắng quân Nguyên; Danh sư Chu Văn An, nhà giáo tài đức vẹn toàn, lịch sử tôn ông là nhà nho có đức nghiệp lớn nhất; Danh nhân văn hoá thế giới Nguyễn Trãi, người có tầm tư tưởng vượt lên nhiều thế kỷ; Lương quốc trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi với học vấn đứng đầu cả nước, ông đã góp phần làm rạng danh đất nước; Đại danh y Tuệ Tĩnh, vị thánh thuốc nam được cả nước ngưỡng mộ.

Trí tuệ, tài năng của người Hải Dương cũng đóng góp cho sử sách Việt Nam 486 tiến sỹ trong tổng số 2.989 vị đỗ đại khoa qua các triều đại, chiếm 16% (22%) đứng đầu cả nước, tiêu biểu là làng Mộ Trạch (Bình Giang – Hải Dương) được gọi là “lò tiến sỹ xứ Đông” có 36 vị đỗ đại khoa, đứng đầu số người đỗ tiến sỹ tính theo đơn vị làng xã trong cả nước. Vào thời Lê sơ, ở Hải Dương đã có trường thi và miếu thờ các vị đại nho, tiêu biểu là Văn miếu Mao Điền.

Hiện nay, trong địa bàn tỉnh Hải Dương còn nhiều di tích lịch sử-văn hóa như: Đền Kiếp Bạc thờ Đức thánh Trần, đền Đuan và đền Tranh thờ Quan lớn Tuần Tranh, chùa Côn Sơn gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi, đền Cao, Văn miếu Mao Điền, di tích gồm sứ Chu Đậu-Mỹ Xá, di tích lịch sử chùa Bạch Hào. Khu di tích Kính Chủ - An Phụ, đảo cò Chi Lăng Nam...

Với những thuận lợi trên, Hải Dương có vị trí quan trọng trong vùng du lịch bắc bộ và cả nước, góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao trình độ dân trí của mọi tầng lớp nhân dân, giúp người dân trong tỉnh hiểu rõ hơn vai trò của hoạt động du lịch đối với đời sống vật chất và tinh thần của họ qua đó cùng với các công ty du lịch, đại lý lữ hành góp phần là cho hoạt động du lịch ngày càng phát triển, du lịch Hải Dương sẽ có nhiều người biết đến. Đặc biệt còn làm thay đổi nhận thức của tầng lớp lãnh đạo về hoạt động du lịch. Lãnh

đạo các cấp, chính quyền sẽ thấy được tầm quan trọng của hoạt động du lịch của tỉnh trong hiện tại và tương lai.

2.1.2. Tài nguyên du lịch của tỉnh Hải Dương.

2.1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.

** Địa Hình.*

Địa hình Hải Dương tương đối bằng phẳng và có đặc điểm hơi nghiêng và thấp dần từ Tây xuống Đông Nam. Với diện tích đất tự nhiên là 1662km² được chia làm hai vùng: vùng đồi núi và vùng đồng bằng.

Vùng đồi núi nằm ở phía bắc của tỉnh thuộc dãy núi Đông Triều, chiếm 11% diện tích đất tự nhiên, thuộc 13 xã của thị xã Chí Linh và 18 xã của huyện Kinh Môn. Vùng đồi núi thấp độ cao khoảng 1000m thích hợp cho trồng các loại cây ăn quả và cây công nghiệp ngắn ngày. Đồi núi ở đây thuộc địa hình Kasrt (chủ yếu là núi đá vôi) vì vậy rất thuận lợi cho hệ thống rừng phát triển. Bên cạnh đó kiểu địa hình kasrt là địa hình được hình thành do sự lưu thông của nước trong các đá dễ hòa tan. Do quá trình biến đổi địa chất và ăn mòn thì thiên nhiên đã tạo ra được một vài hang động rất đẹp như: động Kính Chủ ở Kinh Môn, đây là điểm tham quan kỳ thú hấp dẫn nhiều du khách.

Vùng đồng bằng còn lại chiếm 89% diện tích đất tự nhiên do phù sa sông Thái Bình bồi đắp với đất đai màu mỡ, thích hợp với nhiều loại cây lương thực, thực phẩm. Vùng đồng bằng của tỉnh mang đặc trưng của đồng bằng Bắc bộ với nền văn minh lúa nước lâu đời. Chính điều này đã tạo nên giá trị văn hóa trong đời sống của nhân dân trong tỉnh.

** Nguồn nước*

Hải Dương có hệ thống sông ngòi khá dày. Toàn tỉnh có 14 tuyến sông chảy qua, trong đó có các hệ thống sông lớn như hệ thống sông Thái Bình, sông Kinh Thầy, sông Mạo Khê... ngoài ra còn có các hệ thống sông địa phương, sông thủy nông được bắt nguồn từ hệ thống sông Hồng sử dụng cho việc tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản của tỉnh. Hệ thống ao hồ của tỉnh cũng khá nhiều, là nơi dự trữ nước lớn, điều hòa bầu không khí, tạo ra cảnh quan môi trường trong lành và trở thành những khu vui

chơi giải trí, công viên hấp dẫn nhiều du khách như: hồ Côn Sơn, hồ Mật Sơn, hồ Bạch Đằng...

Ngoài ra Hải Dương còn có nguồn nước ngầm khá dồi dào, đảm bảo cho nguồn nước ở hệ thống các giếng ở các huyện, xã. Đặc biệt ở nhiều huyện, xã có hệ thống giếng khoan với nguồn nước khá sạch phục vụ cho sinh hoạt của người dân địa phương như: ở thành phố Hải Dương, huyện Chí Linh, Nam Sách, Ninh Giang... ngoài ra Hải Dương còn có một mỏ khoáng ở Thạch Khôi đây là một mỏ nước nóng đã từng là nguồn để tạo nên nước khoáng, nhiệt độ rất thích hợp đã từng sử dụng để chữa bệnh. Mỏ nước khoáng này chưa được quy hoạch và khai thác để phục vụ du lịch, nó cần có sự nghiên cứu sâu hơn về khu vực này để tiến hành khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch.

** Tài nguyên rừng và hệ thực vật*

Do chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và địa hình đồi núi đá vôi, đã tạo cho Hải Dương nguồn tài nguyên rừng, các thảm thực vật và hệ sinh thái đa dạng. Toàn tỉnh có 9140 ha rừng, trong đó rừng tự nhiên có 2304 ha, rừng trồng là 6756 ha. Rừng chủ yếu là rừng nhiệt đới với hệ thực vật như lim, sến, táu, dẻ, keo, thông... tập trung ở dãy núi Phượng Hoàng, Côn Sơn – huyện Chí Linh, núi An Phụ huyện Kinh Môn. Thảm thực vật bên dưới có sim, mú, các loại cỏ... và ẩn lấp trong lòng nó là hệ thống các suối uốn lượn, quanh co qua các dãy núi, rừng. Tiếng gió rừng thổi vi vu, tiếng chim hót líu lo, tiếng suối chảy róc rách... là một không gian cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, hấp dẫn. Giữa quang cảnh núi rừng bạt ngàn còn xen kẽ những hồ nước, điểm thêm vẻ đẹp nơi núi rừng tạo khung cảnh “Sơn thủy hữu tình” rất thơ mộng và hấp dẫn.

Tài nguyên địa hình, nguồn nước, cùng tài nguyên rừng và hệ thực vật đã tạo nên nét đẹp về cảnh quan tự nhiên, giúp cho tài nguyên du lịch tự nhiên của Hải Dương thêm phong phú đa dạng.

Một số điểm du lịch tự nhiên tiêu biểu

- Khu danh thắng Phượng Hoàng.

Thuộc xã Văn An – huyện Chí Linh, một khu danh thắng có rừng thông bạt ngàn, suối trong róc rách, núi đá nhấp nhô liên tiếp nhau, với 72 ngọn núi ngoạn mục trùng điệp mang đủ các hình dáng rất đẹp mắt. Đền thờ thầy giáo Chu Văn An nằm giữa rừng thông bạt ngàn đó càng làm cho cảnh quan thiên nhiên nơi đây mang ý nghĩa hơn.

- Khu rừng Thanh Mai, khu sinh thái Bến Tắm

Văn cảnh Thanh Mai với rừng, hồ nước, đồi cây ăn quả trùng điệp nằm trên địa phận 3 xã Bến Tắm, Bắc An, Hoàng Hoa Thám huyện Chí Linh, hồ Bến Tắm rộng với diện tích mặt nước 7 ha, quanh hồ là đồi núi có mặt bằng rộng và những cánh rừng dẻ, cây xanh, tạo nên một vùng cảnh quan hấp dẫn, là tài nguyên quý giá để khai thác, xây dựng loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

- Khu miệt vườn Du lịch sinh thái sông Hương – Thanh Hà.

Một khu miệt vườn nổi tiếng với cây Vải tổ. Đến đây du khách sẽ chìm ngập trong những khu vườn vải trĩu quả, được thưởng thức những trái quả thơm ngon. Những trái vải ở đây được coi là đặc sản của vùng đất Hải Dương.

Sông Hương – Thanh Hà là một nhánh sông bắt nguồn từ sông Gù, có chiều dài khoảng 21km, chảy qua 10 xã, thị trấn của huyện Thanh Hà. Sông Hương có lượng phù sa màu mỡ nên nơi đây luôn tràn ngập một màu xanh của vườn cây ăn trái như: chuối, đu đủ, na, hồng xiêm, ổi, xoài... du khách có thể thỏa sức thưởng thức những trái cây ngon nơi đây. Đến đây du khách còn có thể thưởng thức những món ăn dân dã mang đậm chất quê được khai thác từ chính con sông Hương, ngoài ra du khách còn có thể thả trôi, thả cá... một thú vui hiện được nhiều người ưa chuộng

- Làng cò Chi Lăng Nam

Sở dĩ gọi là Làng Cò vì ở đây có một đảo cò đặc biệt: Đảo Cò nổi lên giữa lòng hồ An Dương, thuộc địa bàn xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đảo Cò Chi Lãng Nam đã trở thành điểm du lịch sinh thái “độc nhất vô nhị” không chỉ của tỉnh Hải Dương mà của cả Miền Bắc Việt Nam.

Người dân Chi Lãng Nam vẫn truyền cho nhau nghe về truyền thuyết vùng đất này. Truyện kể rằng vào đầu thế kỷ 15, những trận đại hồng thủy đã làm dải đê lớn ven sông Hồng trải qua 3 lần vỡ đê liên tiếp. Đến lần vỡ đê thứ hai thì tạo thành hòn đảo nổi giữa hồ. Rồi "đất lành chim đậu", từng đàn cò, vạc, chim nước đủ loại từ khắp nơi đổ về đây cư trú. Theo nhịp thời gian, cò, vạc sống trên đảo ngày càng đông về số lượng cá thể và đa dạng về thành phần loài. Hiện nay, với diện tích hơn 3.000m², đảo Cò đã tập trung tới 15.000 con cò thuộc 9 loài (cò trắng, cò ruồi, cò ngang, cò ngành, cò bộ, cò diệc, cò đen, cò hương, cò lửa) và hơn 5.000 con vạc thuộc 3 loài (vạc lưng xanh, vạc xám, vạc sao).

Cứ vào mùa gió heo may, khách du lịch lại đến với đảo Cò để được thỏa mắt ngắm nhìn những chú cò. Cả một đảo với những chú cò trắng muốt mang đến cho người xem một sự thích thú thực sự. Cò bay về làm tổ từ tháng 9 cho đến tận tháng 4 rồi đi, và những ngày này, khách du lịch càng thích thú hơn khi được ngắm những chú cò con vừa mới sinh ra đời, đôi chân vẫn còn chưa vững khi đứng trên những cành tre mềm mại. Sáng sớm và chiều tối là khoảng thời gian nhộn nhịp nhất của đảo Cò. Đó là lúc cò bay đi kiếm ăn và kéo về tổ để nghỉ ngơi sau một ngày làm việc vất vả.

Những chú cò bay kín cả mặt hồ, bay kín cả đảo, những chiếc cánh trắng muốt trao lượn tạo nên một khung cảnh thật tuyệt vời nhưng cũng thật hoang dã. Tiếng kêu của chúng vang xa, lúc trầm lúc bổng tạo thành một bản hoà tấu tuyệt vời như để khởi động một ngày mới hoặc kết thúc một ngày làm việc mệt mỏi.

Du khách đến đảo Cò vào mùa cò về chỉ cần đi một ngày là có thể thăm quan hết đảo. Một chiếc xuồng cỡ nhỏ để không làm náo động không gian sống của cò sẽ chậm chậm đưa du khách đi vòng quanh hồ và ngắm cuộc sống của những chú cò. Nhưng nếu du khách muốn quan sát cuộc sống của cò một cách tỉ mỉ thì hãy ở một đêm trên đảo Cò. Đêm lúc 9-10h tối là lúc cò về nhiều nhất, sự đoàn tụ gia đình cũng bắt đầu từ lúc này cho đến sáng hôm

sau. Lúc ấy du khách sẽ có nhiều thời gian hơn để nghiên cứu cuộc sống của những chú cò trên đảo và sẽ phải ngỡ ngàng vì phát hiện: cùng với cò, vạc, trên đảo còn có vô số loài chim nước khác như: chim chả, bói cá, cuốc, cú mèo.

Sự đan xen hài hòa giữa cây cối, chim muông, hồ nước cùng khí hậu nhiệt đới với những cây cổ thụ Đảo Cò Chi Lăng Nam hội tụ đầy đủ yếu tố để phát triển thành một khu du lịch sinh thái thu hút nhiều du khách. Ở nơi đây công tác bảo vệ môi trường cũng khá tốt, mọi người dân trong vùng đều có ý thức bảo vệ đàn cò.

- Khu danh thắng Côn Sơn.

Côn Sơn, mảnh đất được coi là nơi “tôn quý của đất trời” được biết đến với quần thể di tích lịch sử và phong cảnh thiên nhiên đẹp, với rừng thông mả vĩ, núi non hồ nước lượn quanh, suối nước róc rách. Với cảnh đẹp nên thơ ấy nên Đại thi hào Nguyễn Trãi đã sáng tác bài thơ rất hay đó là bài “Côn Sơn Ca” ca ngợi cảnh đẹp nơi đây:

*“Côn Sơn suối chảy ri rầm
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai
Côn Sơn có đá rêu phơi
Ta ngồi trên đá như ngồi đệm êm”*

Cảnh vật nơi đây rất yên ả, mỗi du khách khi đến đây sẽ như được hòa mình cùng thiên nhiên. Cảm giác ấy giúp người ta xua tan đi những mệt mỏi của công việc thường ngày, những nhọc nhằn lo toan tính toán của đời sống.

- Hồ Bạch Đằng.

Nằm ở trung tâm thành phố Hải Dương, quanh hồ là công viên Bạch Đằng, hồ có diện tích 30ha, làm nơi thư giãn cho nhân dân đồng thời cũng là nơi tạo cảnh quan du lịch, nghỉ ngơi, giải trí mới cho thành phố Hải Dương.

➔ Tất cả những điểm du lịch tự nhiên trên đã tạo nên một tour du lịch liên hoàn nội tỉnh, những điểm du lịch này phù hợp với các loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng

2.1.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn.

*** Hệ thống các di tích lịch sử văn hóa.**

Là một vùng đất cổ có bề dày lịch sử, Hải Dương có một khối lượng lớn các di tích lịch sử văn hóa gắn liền với các danh nhân tên tuổi, những sự kiện lịch sử của dân tộc Việt Nam. Tính đến năm 2005 Hải Dương có khoảng 1098 di tích lịch sử văn hóa, hiện nay có khoảng gần 3000 di tích lịch sử văn hóa trong đó có 147 di tích lịch sử văn hóa được Nhà Nước xếp hạng. Đó là tiềm năng lớn để Hải Dương phát triển ngành du lịch với các tour du lịch văn hóa hấp dẫn, đầy ý nghĩa mang giá trị nhân văn.

Một số di tích lịch sử tiêu biểu.

- Khu di tích danh thắng Côn Sơn.

Khu di tích thuộc phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, nằm giữa hai dãy núi Phượng Hoàng và Kỳ Lân, cách Hà Nội khoảng 70km. Khu di tích gồm có núi non, chùa tháp, rừng thông, khe suối, và các di tích nổi tiếng gắn với cuộc đời của nhiều danh nhân trong lịch sử. Ngay từ thời Trần chùa Côn Sơn là một trong 3 trung tâm phật giáo của Thiên Phái Trúc Lâm (Côn Sơn – Yên Tử - Quỳnh Lâm). Mảnh đất này đã gắn bó với tên tuổi của danh nhân đất Việt như Trần Nguyên Đán, Huyền Quang, và đặc biệt là anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi. Nơi đây ẩn lấp sau những cánh rừng thông bạt ngàn là các dấu tích lịch sử của dân tộc, đặc biệt là những dấu tích của thời Trần và các giai đoạn lịch sử tiếp theo, tiêu biểu:

+ *Chùa Côn Sơn*: Chùa Côn Sơn có tên chữ là Tư Phúc tự hay còn gọi là chùa Hun, tọa lạc dưới chân núi Côn Sơn, có từ trước đời Trần. Vào thời Lê chùa được trùng tu và mở rộng rất nguy nga đồ sộ. Trải qua các tác động về lịch sử và thời gian, chùa Côn Sơn ngày nay chỉ còn là một ngôi chùa nhỏ ẩn mình dưới tán lá xanh và cây cổ thụ. Chùa có kiến trúc theo kiểu chữ Công (Tiền Đường, Thiêu Hương, Thượng Điện). Thượng Điện thờ phật, có những tượng phật thời Lê cao 3m. Phía sau chùa là nhà thờ Tổ, có tượng Trúc Lâm Tam Tổ (Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang), tượng ông bà Trần Nguyên Đán, hai pho tượng Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ. Sân chùa có cây đại thụ 600 năm tuổi, 4 nhà bia, đặc biệt là bia Thanh Hư Động được tạo từ

thời Long khánh (1373 – 1377), với nét chữ của vua Trần Duệ Tông và bia hình lục lăng “ Côn Sơn thiện từ bi phúc tự”.

+ *Giếng Ngọc*: Nằm ở sườn núi Kỳ Lân, bên phải là nổi lên bàn cờ tiên, phía dưới chân Đấng minh Bảo Tháp. Tương truyền đây là giếng nước do nhà sư Huyền Quang được thần linh báo mộng ban cho nguồn nước quý. Nước giếng trong vắt, xanh mát quanh năm, uống vào thấy khoan khoái dễ chịu. Từ đó có tên Giếng Ngọc và nước của giếng được các nhà sư dùng làm nước cúng lễ của chùa.

+ *Bàn Cờ Tiên*: Từ chùa Côn Sơn leo 600 bậc đá lên đến đỉnh núi Côn Sơn cao 200m. Đỉnh Côn Sơn là một khu đất bằng phẳng, tại đây có một phiến đá rộng, tục gọi là Bàn Cờ Tiên. Hiện nay Bàn Cờ Tiên có dựng nhà bia theo kiểu Vọng Lâu đình, hai tầng cổ gác tám mái. Đứng ở đây du khách có thể hướng tầm mắt bao quát cả một vùng trời đất bao la rộng lớn. Từ Lục Đầu Giang vang dội những chiến công của quân dân nhà Trần và theo các dòng sông đó đến các làng quê trù phú với những cánh đồng lúa xanh mượt mà, những ngôi nhà mái ngói đỏ tươi. Tất cả đều mờ ảo, xa xa qua những làn khói sương trông rất hấp dẫn và thơ mộng.

+ *Thạch Bàn*: Bên suối Côn Sơn có một phiến đá gọi là Thạch Bàn. Tương truyền khi xưa Nguyễn Trãi đã lấy phiến đá này làm “ chiếu thảm”, để nghỉ ngơi, ngắm cảnh, làm thơ và suy tư việc nước.

+ *Đền Thanh Hư – thờ Đại Tư đồ Trần Nguyên Đán*.

Đại Tư Đồ Trần Nguyên Đán tự là Băng Hồ, là một vị tướng tài có 30 năm làm quan cho 3 Vương triều, giỏi nho giáo, lão giáo, có nhiều chiến công hiển hách và có nhiều đóng góp trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, khoa học. Năm 1385 ông cùng gia đình và cháu ngoại là Nguyễn Trãi về sống những năm cuối đời ở Côn Sơn. Năm 1390 ông ốm mà không uống thuốc vì không muốn sống mà nhìn thấy cảnh nhà Trần sụp đổ. Ngày 14 tháng 11 năm 1390 ông qua đời, thọ 65 tuổi. Sau khi ông mất đền thờ ông được xây dựng trên núi Kỳ Lân ở độ cao 60m. Nhiều thế kỷ nhà thờ cũ chỉ còn là một khu phế tích. Năm 2004, đền được xây dựng lại và khánh thành vào ngày 13 tháng 2 năm 2006.

+ *Đền thờ anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi*

Phần lớn cuộc đời của người anh hùng này gắn bó với Côn Sơn. Tại đây những ẩn tích văn hóa đời Trần, những chi tiết ngoại cảnh như Bàn Cờ Tiên, Suối Côn Sơn, Thạch Bàn... mỗi hiện vật đều mang những câu chuyện, truyền thuyết đầy chất huyền thoại về người anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Tưởng nhớ công ơn của Nguyễn Trãi tháng 12 năm 2000 Bộ Văn Hóa – Thông tin đã cho xây dựng đền thờ ông, ngôi đền tọa lạc dưới chân núi Ngũ Nhạc, ngay cạnh núi Kỳ Lân, trên khuôn viên 10.000m², khánh thành ngày 16 tháng 8 năm Nhâm Ngọ (2002), nhân kỷ niệm 600 năm ngày mất của Nguyễn Trãi. Đây là một công trình văn hóa đẹp thể hiện sự biết ơn và trân trọng của các thế hệ người Việt Nam đối với Ông.

- *Đền Kiếp Bạc*

Đền tọa lạc ở xã Hưng Đạo, thị xã Chí Linh, cách Hà Nội 80km và cách Côn Sơn 5km. Kiếp Bạc là tên ghép của hai vùng Vạn Yên(làng Kiếp) và Dục Sơn(làng Bạc). Nơi đây là thung lũng trù phú, xung quanh có dãy núi Rồng bao bọc tạo cho Kiếp Bạc một vẻ đẹp vừa kín đáo, vừa thơ mộng. Vào thế kỷ XIII, đây là nơi đóng quân và là phủ đệ của Trần Hưng Đạo, người anh hùng dân tộc, người chỉ huy quân sự tối cao trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông.

Đền thờ ông được xây dựng vào thế kỷ XIV, trên một khu đất ở trung tâm thung lũng Kiếp Bạc. Trong đền hiện còn 7 pho tượng bằng đồng: tượng Trần Hưng Đạo, phu nhân, hai con gái, Phạm Ngũ Lão, Nam Tào, Bắc Đẩu và 4 bài vị thờ con trai. Hàng năm hội đền được tổ chức vào ngày mất của Trần Hưng Đạo (ngày 20 tháng 8 âm lịch).

- *Khu di tích danh thắng Phụng Hoàng.*

Là một vùng danh thắng tiếp giáp với Côn Sơn, Kiếp Bạc. Từ lâu núi Phụng Hoàng đã mang trong lòng nhiều dấu ấn lịch sử của các triều đại Trần – Lê – Nguyễn. Theo kết quả nghiên cứu khảo cổ học thì tại đây có nhiều di tích có giá trị như đền Phụng Hoàng (đền thờ chu Văn An), lăng mộ Chu Văn An, Điện Lưu Quang, Cung Tử Cưng, Chùa Kỳ Lân... trải qua nhiều biến cố, thăng trầm của lịch sử, sự tàn phá của thời gian, của chiến tranh nhiều hạng

mục công trình của khu Phụng Hoàng đã bị đổ nát, chỉ còn lại những bia ký, những chân tảng đá hoa sen, những gạch ngói cổ... cho đến nay nhiều hạng mục công trình đã được khôi phục và bảo vệ, trong đó có một số di tích trọng điểm như: Đền Phụng Hoàng, Điện Lưu Quang, Lăng mộ Chu Văn An, chùa Kỳ Lân, Giếng Sơn.

+ *Đền Phụng Hoàng*: Được nhân dân xây dựng để tượng niệm thầy giáo Chu Văn An sau khi ông mất tại đây (26 tháng 11 năm canh tuất – 1370). Đến thế kỷ XVIII – XIX, đền được trùng tu tôn tạo và trở thành một Bát cổ của Chí Linh – Hải Dương. Hiện nay tại đền còn 4 tấm bia ghi nhận công đức và quá trình trùng tu tôn tạo di tích. Đây là những văn bản gốc quý giá xác định danh nhân đã từng sống và mất tại đây. Đền có kiến trúc theo kiểu chữ Nhị, gồm hai lớp nhà tiền tế 5 gian gỗ lim; kết cấu vì kèo kiểu kẻ chuyển chông chóp, hệ thống mái kết cấu thượng tứ, hạ ngũ, lợp ngói mũi. Liên kết các vì kèo gồm 30 xà dọc, mộng thắt, tạo khung nhà vững chắc 24 cây cột tròn. Mặt trước là hệ thống cửa ba lô chạy suốt 3 gian, 2 gian cuối có xây tường gạch, đặt ở giữa cửa chữ Thọ, thể hiện sự trường tồn của đạo lý dân tộc: tôn sư trọng đạo về Chu Văn An – người thầy giáo vĩ đại. Cách một khoảng sân lộng nhỏ là tòa Hậu cung 3 gian kết cấu kiểu “Kẻ chuyển chông chóp”, mái lợp ngói mũi hài. Bên phải tòa Tiền tế có một nhà bia bảo quản 4 tấm bia ghi nhận về di tích.

+ *Lăng mộ Chu Văn An*: Cách đền thờ khoảng 1000m, tọa lạc trên mỏm núi Phụng Hoàng. Lăng mộ được tôn tạo lại năm 1997, kiến trúc xây liền một khối theo hình chữ nhật ($7 \times 5.17 = 36.19m^2$), theo hướng Đông Nam, điêu khắc hình tượng cuốn sách và đài bút nho thể hiện cho đức nghiệp thanh cao của thầy giáo Chu Văn An.

+ *Điện Lưu Quang*: là một trong những di tích Phật giáo lớn. Điện Lưu Quang có kiến trúc theo kiểu “Chông diềm cổ các”, tám mái, đao cong. Kết cấu gồm 5 gian 2 dĩ, chông giường, đầu sen. Để tạo nên sự trang trọng và thêm nghiêm trang, Điện Lưu Quang đã tập trung khai thác các họa tiết trang trí thời Trần – Lê. Tất cả đều theo một bố cục chặt chẽ tạo nên sự cân đối của hạng mục công trình.

- Đền Cao

Đền Cao nằm trên một sườn đồi thuộc xã An Lạc, huyện Chí Linh. Cách Hà Nội 80km. Ngôi đền là di sản văn hóa, di tích lịch sử, danh thắng nổi tiếng của nước ta. Đền thờ 5 anh em họ Vương, những vị đã có công giúp vua Lê Hoàn đánh tan giặc Tống xâm lược vào thế kỷ X. Đền xây dựng theo kiến trúc chữ Đinh nằm trên ngọn núi Thiên Bồng. Xung quanh đền là rừng lim già. Khi leo hết 100 bậc gạch rêu phong, du khách sẽ được thấy 99 con voi bằng đá. Theo truyền thuyết đây chính là những con voi vừa thắng trận về, chúng tung vòi gầm vang chen nhau xuống dòng Nguyệt Giang để uống nước. Ở gian chính điện có bức đại tự viết theo lối đá có thảo 4 chữ lớn “ Thanh Thọ Vô Cương”, phía bên tả “Cao Sơn Ngưỡng Tử”, và bên hữu “ Cao Cao Tại Thượng”. Trước cửa đền dưới tán cây cổ thụ là hai hàng voi đá, ngựa đá. Đền Cao là di sản hẹn của những người biết tôn trọng lịch sử văn hóa dân tộc.

- Văn Miếu Mao Điền.

Nằm trên quốc lộ 5, cách Thành phố Hải Dương 15km, Văn Miếu Mao Điền là một trong những di tích lịch sử cấp quốc gia được xếp hạng nay thuộc thôn Mao Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, Hải Dương. Trong hệ thống văn miếu của cả nước thì Văn Miếu Mao Điền có quy mô và lịch sử lâu đời đứng thứ 2, chỉ sau Văn Miếu Quốc Tử Giám Hà Nội.

Từ giữa thế kỷ XV, với chủ trương mở mang việc học hành và đạo tạo nho sỹ, quan lại... nhà Lê đã cho xây dựng một loạt những trường học (trường quốc lập), trong đó có Văn Miếu Mao Điền. Ngay từ khi mới xây dựng Văn Miếu đã là một kiến trúc văn hóa bề thế, uy nghi. Phần chính gồm hai tòa nhà 7 gian, áp sát vào nhau, nhà trong thờ Khổng Tử - ông tổ của nho học. Nhà ngoài là nơi hội tụ bái lễ của các bậc quan trường học giả. Hai bên là hai dãy nhà giải vũ 5 gian đối diện nhau (Đông vu và Tây vu), tiếp đến là hai gác chuông. Phía trước là hai hồ nước trong xanh in bóng cây gạo già hàng trăm năm tuổi. Xung quanh là bạt ngàn các loại cây xanh, cây ăn quả ôm lấy Văn Miếu càng tôn thêm vẻ tĩnh mịch, êm đềm của khu di tích. Văn Miếu cũng là nơi diễn ra các kỳ thi Hội. Hàng năm đến kỳ thi, sỹ tử ở khắp nơi tề tựu về đây dựng lều chõng kín khắp cả khu cánh đồng Trần phía trước. Nơi

đây còn in dấu tích của nhiều sĩ tử, danh nhân, trạng nguyên. Trải qua nhiều biến cố của lịch sử, sự tàn phá của chiến tranh và thời gian khu văn Miếu đã trở thành một nơi hoang phế. Năm 2002 được sự đầu tư, hỗ trợ của các ban, ngành Trung ương và các cấp Đảng bộ chính quyền tỉnh Hải Dương đã khởi công tu bổ, xây dựng lại Văn Miếu, đợt tu bổ gần nhất là năm 2004 – 2005. Hiện nay ở Văn Miếu Mao Điền ngoài thờ Khổng Tử còn có 4 vị đại khoa được đúc tượng thờ đó là: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Chu Văn An, Mạc Đĩnh Chi và 4 vị danh nhân: Vũ Hữu (đỗ tiến sỹ khoa Quý Mùi 1463); Nguyễn Thị Duệ (từng giả trai đi học, đỗ tiến sỹ năm Tân Mùi 1631); Phạm Sư Mạnh (đỗ tiến sỹ thời vua Trần Minh Tông) và danh y Tuệ Tĩnh đã từng đỗ tiến sỹ nhưng không ra làm quan mà mở trường dạy học, đi tu, bốc thuốc chữa bệnh.

*** Các lễ hội văn hóa dân gian.**

Gắn liền với các di tích lịch sử văn hóa, các đình, đền, chùa, miếu mạo là các lễ hội truyền thống văn hóa dân gian. Cứ mỗi độ Xuân đến, thu về thì các lễ hội tại các điểm di tích trong cả nước lần lượt diễn ra. Mùa xuân là khởi đầu của một năm, mọi vật như tung bừng rộn rã, đó cũng là thời gian người dân thanh thoi, nhàn rỗi, có dịp trải hội, thăm thú cảnh quan tìm về cõi tâm linh thành kính, thắp nén hương tưởng nhớ tới công ơn các bậc anh hùng có công với làng nước, tới các đấng thần linh cầu mong sự bình an. Và mùa thu sau một mùa thu hoạch, đây cũng là thời gian mà nhân dân được nghỉ ngơi, tổ chức lễ hội tạ ơn trời đất và cầu mong một vụ mùa bội thu hơn nữa.

Các lễ hội truyền thống là tài nguyên nhân văn có giá trị du lịch rất lớn. Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa đặc sắc phản ánh đời sống tâm linh của mỗi dân tộc hay một hình thức sinh hoạt tập thể của nhân dân sau những ngày lao động vất vả hoặc là dịp để mọi người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước, những sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân hoặc đơn thuần là những hoạt động có tính chất vui chơi, giải trí. Do vậy lễ hội có tính hấp dẫn cao đối với du khách. Bất cứ lễ hội nào cũng có hai phần: Phần lễ và phần hội. Phần lễ gồm việc dâng hương tưởng nhớ, các đám rước và các nghi thức trong việc hành lễ. Phần hội gồm các trò chơi dân gian được tổ chức để

mọi người cùng vui chơi gà, đánh du, đánh vật, hát chèo, cờ người, kéo co, cờ tướng, thư pháp, hát sẩm...

Bên cạnh nét chung của lễ hội Việt Nam thì mỗi một di tích là một hệ thống lễ hội mang những đặc điểm, đặc trưng riêng biệt của nó. Hải Dương có một hệ thống lớn các di tích lịch sử văn hóa, bên cạnh đó là một hệ thống lớn các lễ hội truyền thống, văn hóa dân gian. Hội làng ở Hải Dương mang những nét tiêu biểu của hội làng người Việt ở đồng bằng sông Hồng, là lễ hội tiêu biểu cho xã hội nông thôn Việt Nam. Lễ hội tiêu biểu:

- Lễ hội Côn Sơn

Xuân thu nhị kỳ tại xã Côn Sơn, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương diễn ra hai lần lễ hội. Lần thứ nhất trong năm vào tháng giêng từ ngày 18 đến 22 tại chùa Côn Sơn diễn ra lễ hội tưởng nhớ một trong ba vị Tổ của thiền phái Trúc Lâm là Thiền sư Huyền Quang

Tam vị Tổ của Thiền phái Trúc Lâm gồm: vua Trần Nhân Tông, Huyền Quang và Pháp Loa. Vào thế kỷ 13, sư Huyền Quang đến ở chùa Côn Sơn và lập Cửu Phẩm Liên Hoa. Ngày 23 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1334). Huyền Quang viên tịch tại Côn Sơn. Vua Trần Minh Tông cấp ruộng để thờ cúng, cúng 10 lạng vàng, sai đệ tử Tăng ni xây Tháp mộ phía chân núi sau Chùa, đặc phong là Huyền Quang Tôn giả. Từ đó đến năm đều đặn năm nào nhân dân trong vùng cũng tổ chức lễ hội tưởng nhớ vị thiền sư này.

Lễ hội thứ hai trong năm diễn ra từ ngày 9 đến 13 tháng 8 tưởng nhớ công ơn của Nguyễn Trãi, một nhà quân sự, chính trị thiên tài, một nhà văn hoá lớn của dân tộc Việt Nam thế kỷ XV được UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới. Ông đã ở ẩn tại Côn Sơn trong những năm cuối đời.

Và hai lần trong năm, lễ hội tại Côn Sơn đều diễn ra trọng thể. Sau khi phần lễ kết thúc thì các trò vui của phần hội cũng bắt đầu với chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao: đấu vật, các trò chơi dân gian...

- Lễ hội Kiếp Bạc.

Lễ hội Kiếp Bạc có quy mô quốc gia. Nó được hình thành từ sau khi quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo qua đời, đến nay hội càng đông, giữ vai trò to lớn trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của dân tộc, vì vậy được các triều

đại quan tâm, bảo tồn, phát huy. Mỗi mùa hội khách thập phương từ khắp nơi về dự có tới hàng chục vạn người, dưới sông hàng nghìn con thuyền lớn nhỏ, trên bộ hàng vạn xe cộ ngược xuôi, trống phách vang lừng, cờ bay phấp phới, không chỉ những thứ đồ đẹp nhất của thời đại được trưng diện mà thuần phong, mỹ tục, tinh hoa văn hóa dân tộc cũng được tái hiện, nâng cao.

Lễ hội Kiếp Bạc bắt nguồn từ kỷ niệm ngày mất của Trần Hưng Đạo, ngày 20 tháng 8 năm Canh Tý (1300).

Lễ hội bắt đầu từ ngày 16 tháng 8 đến 20 tháng 8 âm lịch hàng năm, nhưng thường diễn ra sớm hơn và kết thúc muộn hơn. Ngày trọng hội là ngày 18 tháng 8. Đền Kiếp Bạc còn có ngày trọng lễ thứ hai vào 28 tháng 9, ngày mất của Thiên Thành công chúa – phu nhân của Đại Vương, nhưng ngày này không thành hội, chỉ có hai làng sở tại tổ chức tế lễ. Khách không chỉ đến đền vào ngày hội mà quanh năm suốt tháng đều đến đây thắp hương thành kính rất đông.

Phần lễ: Ngày 10 tháng 8 làm lễ mở cửa đền, chuẩn bị cho lễ hội hàng năm, đây là một việc làm chiểu lệ, vì ngày nào đền cũng mở cửa đón khách.

Lễ vật khai hội: Làng Vạn sắm 8 mâm, mỗi mâm một lợn sống khoảng 70 – 80 kg, đại diện cho 8 giáp. Dực Sơn 4 mâm tương tự, đại diện cho 4 giáp. Về bánh trái có: bánh trong, bánh bột lọc, bánh chãng gừng, bánh rán, bánh phu thê, xôi máu và mâm ngũ quả.

Trên đây là lễ vật của hai xã sở tại, còn lễ vật của khách thập phương thì tùy theo tâm của từng người.

Phần hội: thường tổ chức các trò chơi dân gian như chọi gà, đánh đu và diễn lại quân trận của Trần Hưng Đạo trong chống Nguyên Mông xâm lược.

Hội Kiếp Bạc là lễ hội lớn của đất nước, hội lớn của Hải Dương. Việc tổ chức lễ hội ngày càng hoàn thiện hơn. Lượng khách đến lễ hội và thăm quan di tích ngày càng tăng. Đây là cơ hội tốt để nâng cao tinh thần yêu nước, hun đúc lòng tự tin vào sức mạnh dân tộc trước họa xâm lăng, xây dựng nếp sống lành mạnh, tạo điều kiện cho du lịch phát triển.

- Lễ hội chùa Giám

Chùa Giám, Đền Bia, và Đền Xưa là ba di tích quan hệ mật thiết đến cuộc đời và sự nghiệp của Đại danh y Tuệ Tĩnh. Lễ hội chùa Giám là một

hình thức kỷ niệm đại danh y. Trước đây hội không lớn chỉ có quy mô làng xã, và sau này hội mới lớn dần lên có quy mô quốc gia. Hội được tổ chức trong 3 ngày từ 13 đến 15 tháng 2 âm lịch, nhưng công tác chuẩn bị phải làm trước hàng tháng. Ngày 13 tháng 2 là ngày rước tượng Tuệ Tĩnh từ chùa về Nghè, đặt tại gian giữa. Lễ rước trình trọng theo nghi thức cổ truyền. Dân các nơi đến dự hội suốt 3 ngày có tới hàng vạn lượt người. Hàng quán chật kín hai bên trục đường của xã. Trên sân hội trường và sân Chùa, các trò chơi dân gian diễn ra suốt 3 ngày đêm. 14 tháng 2 là ngày trọng hội, buổi sáng làm lễ tế danh y tạ Nghè, Đội tế có 17 cụ có khả năng về tế lễ, có uy tín và ngoại hình tốt, sau khi phân tế hoàn tất, bắt đầu đến hội rước. Đoàn rước thường rất đông gồm nhiều đội hình.

Đi đầu là hội múa kỳ lân, làm nhiệm vụ cổ động và dẹp đường, thứ 2 là đội hình thanh niên mặc đồng phục, cầm vòng hoa vừa đi vừa múa như trong hội thể thao, thứ 3 là hội rước hồng kỳ, thứ 4 là đội trống, thứ 5 là đội rước ảnh Bác Hồ, thứ 6 là đội siêu đao, chấp kích, bát bửu, thứ 7 là kiệu thuốc Nam, thứ 8 là đoàn tế nam, thứ 9 là đoàn tế nữ, thứ 10 là kiệu rước tượng Tuệ Tĩnh đặt trên đòn bắt cổng, có lọng che hai bên, thứ 11 là đoàn tăng ni, Phật tử, trang phục theo nhà Phật, cuối cùng là đoàn các già làng và du khách thập phương và dân chúng.

Lễ hội chùa Giám là lễ hội truyền thống được mở rộng và nâng cao, lễ nghi truyền thống và văn hóa hiện đại kết hợp hài hòa hiệu quả.

Ngoài lễ hội tiêu biểu trên Hải Dương còn rất nhiều lễ hội khác như: lễ hội Đền Cao, lễ hội Đền Sượt, lễ hội Đền Quát....

*** Các làng nghề truyền thống.**

Cũng giống như các vùng quê khác của tổ quốc Việt Nam, Hải Dương là một vùng quê trù phú với những cánh đồng lúa, ngô, khoai... xanh ngút ngàn, thẳng cánh cò bay. Hơn nữa lại mang những đặc trưng của nền văn hóa vùng đồng bằng sông Hồng. Hải Dương có một hệ thống các làng nghề truyền thống khá phong phú. Trong sự phát triển kinh tế xã hội của Đất Nước, nhiều ngành nghề truyền thống của tỉnh đã bị mai một đang dần dần được khôi phục. Đến nay toàn tỉnh Hải Dương có gần 1100 làng và khu dân cư có ngành

nghề sản xuất tiêu thủ công nghiệp, chiếm trên 77% tổng số làng và khu dân cư toàn tỉnh, tổng giá trị sản xuất ước đạt 900 tỷ đồng, chiếm 50% giá trị sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh. Các làng nghề chiếm khoảng 80 nghìn lao động, chiếm trên 8% số lao động xã hội của tỉnh.

Hiện nay trong tỉnh có 22 làng được UBND tỉnh cấp bằng công nhận đạt tiêu chuẩn làng nghề, trong đó có 11 làng nghề truyền thống, 7 làng nghề cổ truyền, ngoài ra còn có 14 làng nghề mới. Mỗi làng nghề có một loại sản phẩm khác nhau: làng chuyên chế biến nông sản thực phẩm làng làm đồ thủ công mỹ nghệ, làng làm may, giấy, thêu ren, có làng sản xuất và sửa chữa cơ khí... Sản xuất ở các làng nghề này rất ổn định và ngày càng phát triển theo hướng bền vững, đời sống nhân dân trong vùng được nâng lên rõ rệt, thu nhập thường cao hơn mức thu nhập của người làm nông nghiệp.

Làng nghề tiêu biểu.

➤ *Làng nghề gốm Chu Đậu.*

Gốm Chu Đậu-Mỹ Xá, còn được biết đến là gốm Chu Đậu, là gốm sứ cổ truyền Việt Nam đã được sản xuất tại vùng mà nay thuộc làng Chu Đậu và làng Mỹ Xá, thuộc các xã Minh Tân và Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Loại gốm sứ này thường được nhắc đến với tên gốm Chu Đậu là do lần đầu tiên người ta khai quật được các di tích của dòng gốm này ở Chu Đậu. Sau này, khi khai quật tiếp ở Mỹ Xá (làng bên cạnh Chu Đậu) thì người ta phát hiện ra khối lượng di tích còn đa dạng hơn và có một số nước men người ta không tìm thấy trong số các di tích khai quật được tại Chu Đậu. Gốm Chu Đậu là dòng gốm nổi tiếng vì màu men và họa tiết thuần Việt. Nó đã từng xuất khẩu sang nhiều nước châu Âu. Năm 1997 sau khi tìm được rất nhiều gốm Chu Đậu trong con tàu đắm ở Cù Lao Chàm (Nghệ An) của người Bồ Đào Nha dòng gốm này mới được biết đến và nổi tiếng.

Tại Mỹ Xá có gia phả dòng họ 14 đời có ghi câu "...tổ tiên...lấy nghề nung bát làm nghiệp". Câu này hiện được lưu lại trong bảng ghi lịch sử dòng gốm sứ này tại Xí nghiệp gốm sứ Chu Đậu.

Cả hai vùng Mỹ Xá và Chu Đậu đều coi ông Đặng Huyền Thông, người Hùng Thắng, Minh Tân là ông tổ (đã biết) của dòng gốm sứ này. Mới đây các nhà khảo cổ đã khẳng định bà Bùi Thị Hý là tổ nghề gốm Chu Đậu.

Dòng gốm sứ này có thể đã được hình thành và phát triển trong khoảng từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII. Có nguồn nói, nó bị hủy diệt do chiến tranh Lê-Mạc cuối thế kỷ XVI.

Chu Đậu - một trong những làng gốm cổ nhất Việt Nam (Nam Sách - Hải Dương). Gốm Chu Đậu thuộc hàng gốm mỹ nghệ cao cấp được sản xuất từ thời Lý, Trần, Mạc cho đến thế kỷ XVII. Đặc trưng nhất của gốm Chu Đậu là màu men, kiểu dáng, các tiết hoạ tinh xảo. Người xưa thường ví gốm Chu Đậu “sáng như gương, trong như ngọc, trắng như ngà, mỏng như giấy, kêu như chuông”. Những nét vẽ sóng nước Bình Than, kiểu dáng hoa văn mang tính triết lý Á Đông sâu sắc, thể hiện đẳng cấp quý phái của những bậc chính nhân quân tử, nâng tầm văn hoá người Việt. Cũng xuất phát từ những văn hoá gốm đó, người ta đọc được tình cảm ước nguyện của người Việt Nam. Từ những khối đất vô tri, vô giác giờ được thắp hoa thành con người thật, cuộc sống thật, chan hoà tình thương yêu... thể hiện vẻ đẹp thuần khiết văn hoá Việt, khiến cho các nước trên thế giới phải nghiêng mình và xem trọng gốm sứ văn hoá người Việt. Gốm Chu Đậu ngày nay không sản xuất đồng loạt, dùng máy in hình vào các sản phẩm gốm mà hướng về nghệ thuật của tiền nhân. Mỗi hình vẽ, mỗi bức tranh trên gốm là một sự tích, một câu chuyện đậm chất thần thoại, dân gian xưa kia và còn phải sáng tạo ra cái mới.

Vì thế, đến Chu Đậu ngày nay du khách được khám phá các loại hình du lịch nghiên cứu khảo cổ học, du lịch làng nghề, nghệ thuật làm gốm của nền văn minh cổ xưa, trực tiếp tham gia vào quy trình sản xuất gốm như tạo dáng, vẽ hình, viết chữ, ký tên, lên sản phẩm.

➤ *Làng nghề vàng bạc Châu Khê.*

Cho đến bây giờ làng nghề làm vàng bạc Châu Khê, thuộc xã Thúc Kháng, huyện Giang Bình, tỉnh Hải Dương đã có lịch sử tồn tại trên 500 năm,

bắt nguồn từ Lưu Xuân Tín, quan Thượng thư bộ Lại dưới thời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1494) có công khởi dựng nghề đúc bạc nén của làng. Là quan Thượng thư bộ Lại, nhưng Ông Lưu Xuân Tín rất được triều đình nhà Lê tín nhiệm, giao cho trọng trách lập xưởng đúc bạc nén tại kinh thành Thăng Long, bởi thời điểm ấy bạc nén là đơn vị thay thế tiền tệ trong mọi hoạt động kinh tế, buôn bán, trao đổi của Xã Hội. Được triều đình dành cho đặc quyền, Lưu Xuân Tín đã ưu tiên cho người làng ông lên Thăng Long lập xưởng đúc bạc tại phường Đông Các. Dần dần, từ nghề đúc bạc, những người thợ Châu Khê đã phát triển lên nghề làm đồ trang sức vàng bạc (còn gọi là Kim Hoàn). Kể từ đó, nghề làm vàng bạc Châu Khê trở nên lừng danh không chỉ ở Hải Dương mà còn lan truyền đến Hà Nội.

Không phải là người đầu tiên tìm ra kỹ thuật sản xuất đồ Kim Hoàn, nhưng người Châu Khê có công lớn trong việc biết kết hợp sự khéo léo của đôi bàn tay, sự sáng tạo của trí tuệ, bí quyết riêng của bản thân với kỹ thuật làm vàng cổ truyền để cho ra đời những sản phẩm hoàn thiện nhất, tinh túy nhất. Họ không chỉ mang đến cho người sử dụng trang sức lộng lẫy và trang trọng, mà còn góp phần duy trì làng nghề truyền thống của cha ông và sự phát triển nghề Kim Hoàn ở Việt Nam. Đặc biệt trong khoảng gần 100 năm trở lại đây, làng nghề Châu Khê đã đạt tới đỉnh cao về kỹ thuật sản xuất, chất lượng và số lượng sản phẩm vàng bạc trong cả nước. Sản phẩm sau khi được chế tác với những đường nét trạm trổ tinh vi cùng nhiều loại hình, mẫu mã đẹp, được đem tiêu thụ trên mọi miền đất nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

Nay, những thợ giỏi trong xã và những kỹ xảo trong nghề đã bị mai một rất nhiều, nghề này chỉ được coi là nghề phụ. Nhưng do lòng yêu nghề và được sự khuyến khích phát triển của chính quyền địa phương, các cấp nhà nước, nhân dân Châu Khê đang dần khôi phục lại làng nghề của mình. Sản phẩm ở đây đã được nhiều khách du lịch biết đến và nó cũng được coi là một sản phẩm du lịch nổi tiếng được nhiều du khách ưa chuộng.

Ngoài những làng nghề kể trên Hải Dương còn nhiều làng nghề khác như: làng chạm khắc gỗ Đông Dao, làng nghề thêu ren Ô Mễ, Xuân Nẻo, mây tre đan Đan Giáp, chạm khắc đá Kính Chủ, ...

Hiện nay nhiều làng nghề truyền thống trước đó đã bị mai một nay đang dần được khôi phục và cần được khôi phục và phát triển hơn nữa. Phát triển làng nghề truyền thống không chỉ tạo ra việc làm ổn định cho người dân góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn theo hướng CNH – HĐH và xây dựng nông thôn mới trong nền kinh tế xã hội mới, đây là một tiềm năng lớn để phát triển và mở rộng sản phẩm du lịch trên địa bàn tỉnh Hải Dương, nhằm phát triển du lịch của tỉnh.

Tuy nhiên các làng nghề trong tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế và sức ép. Lao động chưa được đào tạo chuyên sâu, nhưng các làng nghề hiện nay, nhà xưởng, công nghệ thiết bị còn lạc hậu, khó cạnh tranh với sản phẩm cùng loại nhất là hàng nhập khẩu. Vốn sản xuất của các hộ, các cơ sở còn nhỏ lẻ, hạn chế khả năng đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng sản xuất. một số làng nghề do thiếu đất, thiếu quy hoạch nên gây ô nhiễm môi trường...

Trong những năm tới để tiếp tục khôi phục các làng nghề truyền thống, phát triển nhanh làng nghề mới, cần nhanh chóng quy hoạch các trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ ở nông thôn. Các địa phương cần dành quỹ đất thích hợp và giá thuê ưu đãi để các cơ sở có mặt bằng sản xuất. Khuyến khích các làng nghề phát triển theo hướng thành cụm công nghiệp để đảm bảo vệ sinh môi trường. Tập trung xây dựng, hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng nông thôn... giúp các làng nghề từng bước tháo gỡ những khó khăn để vươn tới phát triển bền vững.

2.1.2.3. Văn hóa ẩm thực.

Mỗi một vùng quê đều mang những nét đặc trưng riêng biệt. Nét đặc trưng riêng biệt đó khiến cho bất kỳ ai đó khi nhắc đến nó là biết ngay nó ở đâu, của vùng quê nào. Đó có thể là một món ăn, một món quà lưu niệm, một loại hoa quả nào đó...và tất cả trở thành đặc sản của vùng quê đó. Khi nhắc đến Hải Dương không ai có thể quên những đặc sản đặc trưng của mảnh đất này với hương vị thơm ngon của: bánh đậu xanh, bánh gai, vải thiều... và nhiều loại đặc sản khác, làm nên một Hải Dương đậm đà hương vị quê hương.

Những người con Hải Dương khi xa quê nhìn thấy những đặc sản như nhìn thấy quê hương, khách thập phương thì lại nhớ về một vùng đất cư dân thuần hậu giữa đồng bằng sông Hồng. Những đặc sản ấy chính là:

- Bánh đậu xanh, bánh khảo, bánh cuốn thành phố Hải Dương.
- Bánh gai Ninh Giang.
- Vải thiều Thanh Hà.
- Dưa hấu Gia Lộc.
- Rượu Phú Lộc, nếp cái hoa vàng Kinh Môn
- Bánh đa Kẻ Sặt....

Tất cả những đặc sản ấy làm nên một Hải Dương bình dị mà chan chứa trong lòng mỗi một du khách. Sản vật ấy cũng mang lại cho Hải Dương một nguồn thu đáng kể, góp phần làm cho du lịch Hải Dương phát ngày càng phát triển.

2.1.2.4. Kết cấu hạ tầng.

*** Mạng lưới giao thông vận tải.**

Hệ thống giao thông gồm: đường bộ, đường thủy, đường sắt phân bố hợp lý, giao lưu thuận lợi với các tỉnh.

❖ Đường bộ.

Tổng số có 5 tuyến quốc lộ đi qua tỉnh dài 115,6km bao gồm: quốc lộ 5, QL183, QL18, QL37, QL38. Hệ thống quốc lộ trên đã được Bộ GTVT đầu tư cải tạo với tiêu chuẩn kỹ thuật cao, mặt đường được thảm bê tông Atphal, hệ thống cầu công xây dựng vĩnh cửu đáp ứng được tải trọng lớn.

- Quốc lộ 5 từ Hà Nội đến Hải Phòng, chạy ngang qua tỉnh 44km, đây là đường giao thông chiến lược, vận chuyển toàn bộ hàng hóa xuất nhập khẩu qua Cảng Hải Phòng vào nội địa.
- Quốc lộ 18 từ Nội Bài qua Bắc Ninh đến Quảng Ninh, đoạn chạy qua huyện Chí Linh – Hải dương là 20km. Đây cũng là cung đường quan trọng để lưu thông hàng hóa, đặc biệt phục vụ du lịch rất đặc lực.
- Quốc lộ 183, nối quốc lộ 5 với quốc lộ 18, quy mô cấp 1 đồng bằng.

- Quốc lộ 37 dài 12,4km, đây là đường vài đai chiến lược quốc gia. Trực tiếp phục vụ cho khu du lịch Côn Sơn – kiếp Bạc.
- Quốc lộ 38 dài 14km là đường cấp 3 đồng bằng.

Ngoài ra hệ thống các đường liên tỉnh, huyện, xã của tỉnh cũng đã được nâng cấp và quản lí tốt đảm bảo cho việc đi lại được thuận lợi. Đường tỉnh có 13 tuyến. Cụ thể các tuyến đường như sau (bảng 1)

ST T	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)
1	186	Cộng Hòa – Kinh Môn	Thất Hùng – Kinh Môn	14,2
2	189	Thất Hùng – Kinh Môn	Hiệp Sơn – Kinh Môn	6,5
3	188	Minh Tân – Kinh Môn	Tam Kỳ - Kim Thành	32,5
4	20A	Kẻ Sặt – Bình Giang	Tân Hương – Ninh Giang	30,5
5	20B	Lam Sơn – Thanh Miện	Tiền Phong – Thanh Miện	12
6	183B	Nam Đồng – Nam Sách	Thanh Lâm – Nam Sách	8,4
7	191	Hải Tân – Hải Dương	Nguyên Giáp – Tứ Kỳ	26,5
8	17A	TT Gia Lộc – Gia Lộc	Ninh Giang – Ninh Giang	22
9	17D	NinhGiang- Ninh Giang	Nguyên Giáp – Tứ Kỳ	10,9
10	39B	Bình Hàn – Hải Dương	Cao Thắng – Thanh Miện	30
11	194A	Cầm Vũ – Cầm Giàng	Thái Dương – Bình Giang	19,5
12	190A	Nam Đồng – Thanh Hà	Thanh Cường – Thanh Hà	23,2
13	39D	TT Gia Lộc – Gia Lộc	Tân Trào – Thanh Miện	21

Nguồn: Sở văn hóa - thể thao và du lịch

❖ *Đường Sắt:* có 2 tuyến.

- Tuyến Hà Nội – Hải Phòng chạy song song với quốc lộ 5, đáp ứng vận chuyển hàng hóa, hành khách qua 7 ga trong tỉnh.
- Tuyến Kép – Bãi Cháy chạy qua huyện Chí Linh, là tuyến đường vận chuyển hàng nông lâm sản từ các tỉnh miền núi phía bắc ra nước ngoài qua cảng Cái Lân, cũng như hàng nhập khẩu và than cho các tỉnh đặc biệt là cho nhà máy nhiệt điện Phả Lại.

❖ *Đường Thủy.*

Với 400km đường sông, tàu thuyền 500 tấn qua lại dễ dàng. Trong đó toàn tỉnh có 8 tuyến sông do TW quản lí dài 200,5km, 6 tuyến sông do địa phương quản lí dài 119km. Ngoài các tuyến sông trên còn một số tuyến sông

có khả năng phục vụ vận tải đường thủy dự kiến đưa vào quy hoạch hệ thống sông địa phương quản lí, khai thác gồm 8 tuyến dài 92km.

Hệ thống đường sông TW quản lí là những con sông lớn ở miền bắc như sông Hồng, sông Thái Bình, Sông Kinh Thầy... có tầm quan trọng trong việc phục vụ vận chuyển hàng hóa của tỉnh và toàn quốc, nhất là các tỉnh phía Bắc. Đây là tuyến đường thủy quan trọng của khu vực đồng bằng Bắc Bộ nói chung và của tỉnh nói riêng, và cũng là tuyến đường thủy có nhiều tiềm năng lớn trong chiến lược xây dựng và phát triển hệ thống giao thông, vận tải, bến cảng, phục vụ du lịch.

Bảng 2: Hệ thống đường sông TW quản lí.

STT	Tên sông	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài(km)
	Tổng Cộng			200,5
1	Sông Kinh Thầy	Ngã 3 Nấu Khê	Ngã 3 Trại Sơn	44,5
2	Sông Kinh Môn	Ngã 3 Kèo	Ngã 3 Nóng	45
3	Sông Lai Vu	Ngã 3 Vũ Xá	Ngã 3 Cửa Dưa	26
4	Sông Gù	Ngã 3 mũi Gương	Ngã 3 Cửa Dưa	4,0
5	Sông Mía	Ngã 3 Mía Thái Bình	Ngã 3 Mía Văn Úc	3,0
6	Sông Cầu Xe	Ngã 3 sông Cầu Xe	Ngã 3 Mía Văn Úc	3,0
7	Sông Thái Bình	Ngã 3 Nấu Khê	Ngã 3 Mía Thái Bình	57,0
8	Sông Mạo Khê	Ngã 3 bến Triều	Ngã 3 bến Đụn	18,0

Nguồn: Sở văn hóa – thể thao và du lịch Hải Dương.

*** Hệ thống cấp điện, nước.**

❖ Hệ thống cấp điện.

Trên địa bàn tỉnh có nhà máy nhiệt điện Phả Lại, công suất 1040Mv, hệ thống lưới điện khá hoàn chỉnh đảm bảo cung cấp điện an toàn, chất lượng, ổn định, trên địa bàn tỉnh có 5 trạm biến áp 110/35 kv, tổng dung lượng 197 MVA và 11 trạm 35/10 Kv, các trạm phân bố đều trên địa bàn tỉnh. Lưới điện 110/35 Kv đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ tốt nhu cầu điện cho sản xuất và sinh hoạt.

❖ **Hệ thống cấp nước**

Hiện nay trên địa bàn Hải Dương đã có một số trạm cung cấp nước sạch cho nhân dân như: trạm cấp nước Hải Dương, Trạm cấp nước Văn An (huyện Chí Linh), trạm cấp nước Nam Sách... và hệ thống các giếng khoan, giếng đào ở khắp các huyện trong tỉnh từ thành thị đến nông thôn.. Cả tỉnh không còn hiện tượng thiếu nước sinh hoạt. Đây là , sự thuận lợi cho sự phát triển du lịch.

*** Hệ thống thông tin liên lạc.**

Mạng lưới bưu chính viễn thông đã phủ sóng di động trên phạm vi toàn tỉnh, 100% thôn, xã đều có điện thoại liên lạc trực tiếp nhanh chóng với cả nước và thế giới.

Tính đến hết năm 2007, toàn tỉnh đạt 32,5 máy điện thoại/100 dân, các doanh nghiệp bưu chính viễn thông trên địa bàn tỉnh đã phát triển hàng nghìn thuê bao điện thoại mới. Bao gồm điện thoại cố định có dây, điện thoại cố định không dây, thuê bao di động trả sau, trả trước. Hiện nay đã ngang bằng với mức bình quân máy/ dân của cả nước. Đó là sự phát triển vượt bậc, nó giúp cho các doanh nghiệp lữ hành có thể liên lạc, cập nhật thông tin một cách nhanh nhất, để hoạt động du lịch đáp ứng đầy đủ nhất nhu cầu của du khách.

2.1.3. Đánh giá chung về tài nguyên du lịch.

Thông qua việc nghiên cứu các điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch ta thấy Hải Dương có một tiềm năng du lịch lớn, là điều kiện thuận lợi để Hải Dương khai thác phát triển du lịch, đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế quan trọng của tỉnh cũng như cả nước.

2.1.3.1. Thuận lợi.

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên khá thuận lợi và dồi dào, là điều kiện hình thành và phát triển các điểm du lịch sinh thái tự nhiên, đảm bảo cho sự khai thác, phát triển các tiềm năng du lịch mà tỉnh sẵn có.

Địa hình của tỉnh có sự kết hợp địa hình đồi núi và đồng bằng, thuận lợi cho việc hình thành nhiều loại hình du lịch như leo núi, du lịch đồng quê. Địa hình đồi núi là điều kiện hình thành hệ thống rừng, hang động. Với 11% diện

tích là đồi núi, nên Hải Dương có hệ thống núi rừng trùng điệp nối tiếp nhau như: núi Phượng Hoàng, Kỳ Lân, An Phụ, Dương Nham... tập chung ở phía đông bắc của tỉnh, rất thích hợp cho loại hình du lịch núi, thăm quan, cắm trại, nghỉ dưỡng, leo núi...

Đây là một trong những loại hình du lịch đang được du khách ngày một ưa thích. Nó sẽ là những điểm du lịch thu hút lượng khách lớn trong tương lai.

Ngoài rừng núi, hệ thống hang động Kinh Chủ (Kinh Môn). Là một trong những hang động kỳ thú được xếp vào hàng Nam Thiên, hấp dẫn khách du lịch, đặc biệt là những du khách thích khám phá. Đây cũng là điều kiện hình thành tour du lịch nghiên cứu, khám phá tự nhiên, làm phong phú thêm sản phẩm du lịch của tỉnh thu hút du khách.

Sự kết hợp tài tình của tự nhiên giữa rừng núi, hang động, hồ sông... là một tiềm năng du lịch sinh thái lớn của Hải Dương.

Bên cạnh đó khí hậu, thời tiết của tỉnh cũng khá thuận lợi. Nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm vừa phải, tạo ra môi trường khí hậu trong lành, đặc biệt là khu vực đồi núi, thuận lợi phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

Hệ thống lớn các điểm di tích lịch sử gắn liền với các danh nhân, những sự kiện lịch sử của dân tộc, các làng nghề truyền thống, cùng các lễ hội dân gian, đặc sắc tạo điều kiện hình thành các tour du lịch tham quan di tích lịch sử, tìm về cội nguồn, du lịch lễ hội, du lịch làng nghề... đây là cơ sở để Hải Dương phát triển du lịch trong hiện tại và tương lai.

Với mạng lưới sông hồ phong phú, phân bố khá hợp lý khắp địa bàn tỉnh, nối liền giữa đồng bằng và miền núi, giữa các vùng đồng bằng với nhau. Các con sông uốn lượn qua các vùng đồi núi, trải về các làng quê trù phú. Mỗi một khu đồi, mỗi một làng quê, ẩn nấp sau những tán cây, thấp thoáng Su những cánh đồng lúa, nương ngô lại điểm xuyết một vài mái đình, đền, chùa... Đây là một thuận lợi lớn trong việc hình thành các tour du lịch đường sông kết hợp được nhiều loại hình du lịch như: du lịch sinh thái kết hợp với leo núi, du lịch đồng quê, du lịch thăm quan các di tích lịch sử.

Nguồn cư dân đông đúc là cơ sở để Hải Dương phát triển nguồn nhân lực trong du lịch. Những thuận lợi trên là một điểm tựa để Hải Dương phát triển du lịch hơn nữa trong tương lai.

2.1.3.2. Khó khăn.

Bên cạnh những thuận lợi, du lịch Hải Dương còn tiềm ẩn những khó khăn chưa được tháo gỡ giải quyết.

Tài nguyên du lịch vẫn còn ở dạng tiềm năng, chưa được khai thác, chưa được quy hoạch hợp lý để phục vụ mục đích du lịch.

Nhiều khu đồi núi hiện nay đã bị chặt phá rừng, cháy rừng, làm giảm tài nguyên rừng và mất đi vẻ đẹp cảnh quan nơi đây. Các hệ sinh thái bị phá hủy gây khó khăn cho việc phát triển loại hình du lịch sinh thái.

Tại nhiều khu di tích hệ thống cơ sở hạ tầng vẫn chưa phát triển, chưa được sự đầu tư để đưa vào quy hoạch du lịch.

Các lễ hội dân gian gắn với các di tích lịch sử dường như đã bị phai nhạt, nhiều nơi đã không còn tổ chức hay nếu có tổ chức thì không còn được giữ nguyên gốc của nó. Những nét văn hóa đặc trưng trong một số lễ hội dường như không còn.

Các làng nghề truyền thống của tỉnh hiện nay còn rất ít. Nhiều làng đã bị mai một đang dần khôi phục nhưng không đạt được như trước, những nghệ nhân giỏi của các làng nghề đã không còn, các sản phẩm làm ra chưa đạt đủ yêu cầu...

Những tồn tại trên là bất lợi cho việc khai thác các tiềm năng du lịch của tỉnh. Đòi hỏi cần có sự đầu tư và quy hoạch các tiềm năng đó để đưa các tiềm năng đó trở thành những điểm du lịch hấp dẫn của tỉnh.

2.2. Thực trạng phát triển du lịch Hải Dương.

2.2.1. Thị trường khách du lịch ở Hải Dương.

Trong những năm gần đây lượng khách du lịch đến Hải Dương ngày một đông, số lượng khách tăng theo các năm.

Năm 2004 toàn tỉnh đón và phục vụ 720 000 lượt khách. Trong đó, khách do các cơ sở lưu trú phục vụ là 203 000 lượt tăng 34%, khách do các điểm dừng

chân đón 517 000 lượt tăng 18%, ngoài ra còn hàng chục vạn khách đi về trong ngày.

Năm 2005 toàn tỉnh đón và phục vụ 1000 000 lượt khách, trong đó các cơ sở phục vụ lưu trú đón 253 000 lượt khách tăng 25% so với năm 2004; khách do các điểm dừng chân đón 747 000 lượt, tăng 44%; khoảng 10 vạn lượt khách đi về trong ngày, lượng khách do các đơn vị lữ hành phục vụ là 9 200 lượt.

Năm 2006 lượng khách du lịch đến Hải Dương là: 1 100 000 lượt. Trong đó các cơ sở lưu trú phục vụ 303 000 lượt khách tăng 20,7%, khách tại các điểm dừng chân đón khoảng 800 000 lượt tăng 33%, khách do cơ sở lữ hành phục vụ 15 000 lượt.

Năm 2007 lượng khách đến Hải Dương là 1 550 000 lượt. trong đó các cơ sở lưu trú phục vụ là 365 000 lượt tăng 20,5%; khách do cơ sở lữ hành phục vụ là 18 000 lượt tăng 20%.

Trong tháng 3 năm 2008 tổng lượt khách du lịch đến Hải Dương là 107 380 lượt khách tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2009 Hải Dương đón và phục vụ hơn 2 triệu lượt khách, tăng hơn 12,6%. Khách lưu trú ước đạt 499 nghìn lượt người, tăng 24,13%.

2.2.1.1. Thị trường khách quốc tế.

Lượng khách quốc tế được thống kê dựa trên cơ sở số liệu báo cáo phục vụ của các cơ sở lưu trú trên toàn tỉnh. Theo thống kê những năm gần đây lượng khách du lịch quốc tế tại Hải Dương cũng ngày một tăng.

Năm 2004 khách quốc tế mới chỉ đạt 37 500 lượt, đến năm 2007 khách quốc tế đạt 82 500 lượt. Từ năm 2004 đến năm 2006 tốc độ tăng của khách quốc tế vẫn ở mức thấp: năm 2005 tăng 13% so năm 2004, năm 2006 tăng 17,6% so năm 2005, nhưng đến năm 2007 tỷ lệ tăng so năm 2006 ở mức cao đạt 37,5%.

6 tháng đầu năm 2009 khách quốc tế là 42.010 lượt, cả năm 2009 Lượng khách quốc tế ước đạt hơn 100 nghìn lượt người, tăng 23,53%.

Điều đó chứng tỏ Hải Dương đang thu hút ngày một đông số lượng khách quốc tế đến tỉnh.

Bảng 1: Hiện trạng khách quốc tế đến Hải Dương (2004 – 2009)

Năm	Số lượt khách	Tỷ lệ tăng so với năm trước
2004	37 500	21%
2005	42 280	13%
2006	60 000	17,6%
2007	82 500	37,5%
2009	> 100 000	23,53%

Nguồn: Sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Dương

Thị trường khách du lịch quốc tế ở Hải Dương trong những năm trước chủ yếu là khách Trung Quốc và Đài Loan chiếm trên 60% (2006), ngoài ra còn có khách Nhật Bản và Hàn Quốc chiếm một tỷ lệ nhỏ. Gần đây thị trường khách quốc tế đã thay đổi, tỷ lệ khách Hàn Quốc và Nhật Bản và các nước khác ngày một tăng, cụ thể: năm 2007 khách Trung Quốc chiếm 21%, Hàn Quốc 19,2%, Đài Loan 15,9%, Nhật Bản 14,73%, khách du lịch từ các nước (Mỹ, Cannada, Anh, Pháp, Đức, Nga, Úc, Singapo...) là 29,2%. Bên cạnh đó còn có lượng khách Việt Kiều khá lớn.

2.2.1.2. Thị trường khách nội địa.

Du lịch Hải Dương hàng năm đón một lượng lớn khách nội địa vì khách nội địa là thị trường khai thác, thị trường mục tiêu của ngành du lịch Hải Dương. Lượng khách du lịch nội địa đến Hải Dương cũng liên tục tăng qua các năm.

Năm 2004 là 165 500 lượt khách do các cơ sở lưu trú phục vụ.

Năm 2005 tổng lượng khách đến tỉnh là 218 870 lượt trong đó khách do các đơn vị lữ hành phục vụ là 9 200 lượt, khách do các cơ sở lưu trú phục vụ là 209 670 lượt tăng 27%.

Năm 2006 các cơ sở lưu trú đón 243 000 lượt, các cơ sở lữ hành đón 15000 lượt, tổng lượng khách đến tỉnh 258 000 lượt tăng 21,5%

Năm 2007 tổng lượng khách là 300 500 lượt, trong đó khách do cơ sở lưu trú phục vụ là 282 500 tăng 16, 25%, khách do cơ sở lữ hành phục vụ 18 000 tăng 20%.

Trong 3 tháng đầu năm 2008 tổng khách nội địa đạt 156 600 lượt. Điều này chứng tỏ thị trường khách nội địa ở Hải Dương sẽ còn tăng mạnh hơn nữa.

Bảng 2: Hiện trạng khách nội địa đến Hải Dương.

Năm	Lượt khách
Năm 2004	165 500
Năm 2005	218 870
Năm 2006	243 000
Năm 2007	300 500
Năm 2009	

Nguồn: Sở văn hóa, thể thao và du lịch Hải Dương

Ngoài ra còn hàng chục nghìn lượt khách tại các điểm dừng chân, các điểm tham quan du lịch và khách du lịch trong ngày.

Nhìn chung thị trường khách du lịch ở Hải Dương (bao gồm cả khách quốc tế và nội địa) ngày một tăng trong những năm gần đây. Hải Dương có điểm dừng chân chuyên phục vụ khách quốc tế như điểm phục vụ khách Hàn Quốc, điểm phục vụ khách Trung Quốc, điểm phục vụ khách Châu Âu... đặc biệt là sân golf Chí Linh thu hút lượng khách quốc tế lớn. Lượng khách quốc tế đến đây tăng theo các năm. Các điểm dừng chân du có tỷ lệ khách quốc tế khoảng 48,72%, còn lại khách lưu trú quốc tế chiếm khoảng 12,09%. Đây cũng là cơ hội và thách thức của Hải Dương trong việc thu hút khách quốc tế hơn nữa. Tuy nhiên so với sự phát triển của du lịch số lượng khách còn ở mức thấp, đặc biệt là khách quốc tế vẫn còn nhỏ lẻ và rất ít. Các thị trường khách Hàn Quốc, Nhật Bản, và các nước khác vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ. Vì mục đích của thị trường khách này đến đây chủ yếu là do công việc, dựn hội nghị, hội thảo, hoặc nghiên cứu thị trường kinh doanh, mở rộng đầu tư, tìm kiếm đối tác, kết hợp thăm thú, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng.

Còn đối với khách du lịch nội địa, thì mục đích chủ yếu của chuyên đi là thăm quan những thắng cảnh, những di tích lịch sử, kết hợp với lễ chùa. Hải Dương là nơi tập trung nhiều di tích lịch sử, thắng cảnh, với những lễ hội

truyền thống độc đáo, là một lợi thế để thu hút khách du lịch. Chính vì vậy Hải Dương cần có những chính sách phát triển, quy hoạch những điểm di tích lịch sử, những tiềm năng du lịch của tỉnh để tăng sự hấp dẫn đối với du khách, kéo dài thời gian lưu trú, dừng chân của khách tại các điểm du lịch.

Hiện nay Hải Dương vẫn chưa phát huy hết tiềm năng du lịch của tỉnh để thu hút nguồn khách du lịch, các hoạt động du lịch vẫn còn nhiều bất cập, chưa hấp dẫn khách. Tính liên kết vùng vẫn chưa cao, chưa đủ sức vươn ra thị trường tiềm năng như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc...

2.2.2. Các hoạt động dịch vụ du lịch của Hải Dương.

2.2.2.1. Dịch vụ lưu trú.

Để phục vụ cho du lịch cũng như đáp ứng nhu cầu của du lịch, hệ thống các cơ sở lưu trú của Hải Dương ngày một phát triển cả về số lượng và chất lượng. Các cơ sở lưu trú đã được đầu tư nâng cấp về vật chất, trang thiết bị nội thất, làm tăng chất lượng phục vụ khách. Nhiều cơ sở mới được xây dựng với cơ sở vật chất ngày càng hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Năm 2004 toàn tỉnh có 62 cơ sở lưu trú du lịch, trong đó có 06 khách sạn đạt tiêu chuẩn 02 sao, 06 khách sạn đạt tiêu chuẩn 1 sao, và 38 khách sạn, nhà nghỉ đủ tiêu chuẩn phục vụ khách. Còn 12 cơ sở lưu trú đang đề nghị xếp hạng.

Năm 2005 số cơ sở lưu trú tăng lên 68, số khách sạn 2 sao, 1 sao vẫn giữ nguyên, có khách sạn 04 sao bắt đầu được xây dựng.

Năm 2006 tăng lên 73 cơ sở lưu trú với tổng số phòng nghỉ là 1400 phòng.

Đến hết tháng 12 năm 2007 Hải Dương có 92 cơ sở lưu trú du lịch với trên 1650 phòng, trong đó 75 khách sạn, nhà nghỉ được xếp hạng với khoảng 1500 phòng. Một khách sạn 04 sao với 157 phòng, 06 khách sạn 02 sao với 220 phòng, và 16 cơ sở lưu trú du lịch mới kinh doanh đang đăng ký thẩm định xếp hạng năm 2008.

Hệ thống khách sạn, cơ sở lưu trú ngày càng được mở rộng cả về số lượng và quy mô phục vụ, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của nhiều đối tượng khách. Trong sự gia tăng số lượng khách du lịch của tỉnh những năm gần đây thì sự phát triển của hệ thống cơ sở lưu trú là sự cần thiết. Điều đó được chứng tỏ qua công suất sử dụng buồng, phòng của các cơ sở lưu trú qua các năm.

Bảng3: thống kê công suất sử dụng buồng phòng trong những năm gần đây

Năm	2004	2005	2006	2007
Công suất	57%	58%	57%	65%

Nguồn: Sở văn hóa, Thể thao và du lịch Hải Dương

Các cơ sở lưu trú đã trú trọng đến công tác quảng cáo, tiếp thị, đầu tư dịch vụ, nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị, nâng cao chất lượng phục vụ. nhiều cơ sở mở rộng các loại hình dịch vụ trong cơ sở như: quán bar, nhà hàng, massage, sân chơi thể thao, tennis, bể bơi, phòng hội nghị hội thảo... đáp ứng tốt nhu cầu của khách, và thu hút lượng khách ngày một đông hơn.

Theo thống kê của Sở văn hóa, Thể thao và du lịch Hải Dương năm 2007, ngày lưu trú trung bình của khách du lịch quốc tế là 2,37, ngày lưu trú trung bình của khách nội địa là 2,15.

Tuy nhiên hệ thống các cơ sở phục vụ lưu trú quy mô vẫn còn nhỏ, hệ thống các phòng nghỉ cao cấp vẫn còn ít, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn yếu kém không đồng bộ, chất lượng các dịch vụ, và chất lượng phục vụ chưa cao, chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của khách. Bên cạnh đó đội ngũ nhân viên trình độ còn non yếu, thái độ phục vụ chưa nhiệt tình... vì vậy đã không thu hút được nguồn khách sẵn sàng bỏ tiền ra để được hưởng dịch vụ. Điều này đòi hỏi các cơ sở lưu trú du lịch ở Hải Dương cần có sự đầu tư phát triển hơn nữa trong những năm tới.

2.2.2.2. Dịch vụ ăn uống.

Hải Dương hiện có rất nhiều nhà hàng phục vụ ăn uống, những nhà hàng này có ở dọc các quốc lộ chính như quốc lộ 5, quốc lộ 18 và có tại các điểm du lịch, công suất phục vụ của các nhà hàng khá lớn, một số nhà hàng điển hình: nhà hàng Bạch Đằng, nhà hàng 555, nhà hàng Hải Dương Xanh, nhà hàng 559, và các nhà hàng là điểm dừng chân tuyệt vời cho khách du lịch như: Việt Tiên Sơn, Việt Nam House, Simtho, Minh Anh, nhà hàng Minh Đức... những nhà hàng này đã được nâng cấp, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất đủ điều kiện phục vụ du khách trong và ngoài nước. Đội ngũ nhân viên phục vụ trong các nhà hàng ngày càng được đào tạo chuyên nghiệp, nhiệt tình, ân

cần phục vụ du khách. Các nhà hàng đã có được thực đơn phong phú, đa dạng, đáp ứng được nhu cầu của mọi loại khách, mỗi nhà hàng đều có những món ăn mang hương vị riêng của nhà hàng mình, những món ăn độc đáo mà mỗi du khách khi ra về sẽ không cảm thấy nhàm chán khi đến với Hải Dương. Trên địa bàn tỉnh Hải Dương hiện nay có đến hàng trăm nhà hàng phục vụ đời sống và du lịch. Ngoài những nhà hàng chuyên phục vụ ăn uống, thì trong các khách sạn không chỉ phục vụ lưu trú mà còn phục vụ cả ăn uống, đây là một điều kiện thuận lợi để du khách có thể vừa nghỉ ngơi mà vừa được phục vụ ăn uống tại chỗ. Bên cạnh đó những nhà hàng tại Hải Dương vẫn còn một số hạn chế như: quy mô còn nhỏ, cơ sở vật chất phục vụ du khách chưa đầy đủ, đặc biệt là vấn đề vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn chưa được các nhà hàng quan tâm thực sự, một số nhà hàng thái độ phục vụ khách không đến nơi đến chốn, vô lễ với khách.

2.2.2.3. Hoạt động vận chuyển.

Hải Dương hiện có 20 doanh nghiệp và hộ cá thể kinh doanh vận chuyển khách du lịch với gần 60 đầu xe các loại. Một số hãng taxi mới được thành lập cũng bước đầu có hiệu quả là phong phú loại hình phục vụ. Nhìn chung các loại hình vận chuyển du lịch đều đạt chất lượng. Các đầu xe đều đảm bảo an toàn, có điều hòa nhiệt độ, có dụng cụ phục vụ du khách trên xe, đảm bảo sự thoải mái cho khách trong suốt hành trình. Đội ngũ lái xe giàu kinh nghiệm, đảm bảo sự an toàn thuận tiện cho khách du lịch. Các công ty vận chuyển du lịch lớn ở Hải Dương phải kể đến như: công ty vận chuyển liên doanh Seoul, Hải Vận, ABC, Tiến Thành, Trường Giang....

Bên cạnh đó trong hoạt động vận chuyển khách du lịch, vẫn còn có một số tồn tại, ảnh hưởng đến quá trình phục vụ khách du lịch. Số đầu xe còn ít, số lượng lái xe vận chuyển khách du lịch chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của khách, hoạt động còn thiếu chuyên nghiệp, cá biệt còn có hiện tượng ép khách. Các doanh nghiệp cạnh tranh không lành mạnh, ép giá khách nên dẫn đến tình trạng khách du lịch không có niềm tin vào họ. Đội ngũ lái xe đa số có trình độ thấp, khả năng giao tiếp còn hạn chế, hàng năm họ thường không được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, mà chỉ phục vụ du lịch dựa vào vốn

kinh nghiệm đưa đón khách. Những hạn chế đó đã ảnh hưởng đến sự phát triển của các doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển, chính điều đó làm cho các doanh nghiệp này không mang tính chuyên nghiệp, khó cạnh tranh được với các doanh nghiệp vận chuyển khách ngoài tỉnh. Không những vậy nó còn ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển du lịch của tỉnh, vì đưa đón khách đến các điểm thăm quan là một phần của hoạt động du lịch.

Để đảm bảo, sự phát triển của các doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển khách du lịch, cần mở rộng đầu tư kinh phí, làm tăng thêm số lượng đầu xe đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng. Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ lái xe, tiến hành tập huấn nghiệp vụ giao tiếp cho họ.

2.2.2.4. Hoạt động lữ hành.

Hệ thống kinh doanh lữ hành của tỉnh Hải Dương cũng dần dần phát triển. tính đến hết ngày 15/12/2004, tỉnh Hải Dương có 7 đơn vị kinh doanh lữ hành (trong đó có 1 đơn vị kinh doanh lữ hành quốc tế - chi nhánh cty đầu tư thương mại và dịch vụ Thăng Lợi tại Hải Dương).

Năm 2005 đã có thêm 2 doanh nghiệp (trong đó có 1 doanh nghiệp lữ hành quốc tế - công ty Thái Dương), đưa tổng số doanh nghiệp lữ hành trên địa bàn toàn tỉnh lên 9 doanh nghiệp.

Năm 2006 ngoài các doanh nghiệp lữ hành trước đó còn có một số công ty du lịch ngoài tỉnh đặt văn phòng đại diện tại Hải Dương.

Năm 2007 toàn tỉnh đã có 18 công ty, đại lý, chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động tư vấn kinh doanh trong lĩnh vực lữ hành, trong đó có 2 đơn vị kinh doanh lữ hành quốc tế như đã kể trên.

Năm 2009 các công ty lữ hành lên đến con số 20.

Các doanh nghiệp lữ hành đã tích cực tìm kiếm thị trường, tiến hành nghiên cứu, xây dựng, tổ chức các tour, tuyến du lịch với các loại hình du lịch phù hợp, đáp ứng ngày càng đa dạng nhu cầu của khách du lịch. Tuy nhiên các công ty lữ hành ở Hải Dương vẫn còn yếu kém về nhiều mặt, quy mô các doanh nghiệp còn nhỏ, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động du lịch còn thiếu và thô sơ, đội ngũ hướng dẫn viên còn hạn chế về nghiệp vụ. Các doanh nghiệp chưa thực sự đi sâu vào tìm hiểu thị trường tiềm năng, chưa đánh giá,

khai thác hết thị trường khách mục tiêu, hoạt động marketing còn yếu, sản phẩm du lịch chưa đa dạng, phong phú nên không hấp dẫn khách. Việc kinh doanh lữ hành còn lộn xộn, chông chéo, một số công ty lữ hành không có chức năng kinh doanh lữ hành quốc tế, những vẫn đưa đón, thực hiện tư vấn, hướng dẫn tham quan cho khách quốc tế. Lượng khách do các công ty lữ hành phục vụ còn quá ít chỉ bằng 10% tổng số lượt khách trong toàn tỉnh (2007), lượng khách do công ty lữ hành phục vụ chủ yếu là khách nội địa.

Các công ty lữ hành quốc tế chưa phát huy hết được vai trò kinh doanh của mình, mới chỉ dừng lại được việc đưa khách trong nước ra du lịch nước ngoài, chứ chưa thực sự đón được khách quốc tế vào Việt Nam. Điều này chứng tỏ các doanh nghiệp lữ hành ở Hải Dương còn yếu về khâu quản lý, không dám mạnh dạn phát huy lợi thế sẵn có.

Để thích ứng với nền kinh tế đang trên đà hội nhập như hiện nay, để nâng cao được thương hiệu và khả năng cạnh tranh, các đơn vị kinh doanh du lịch, các đại lý lữ hành cần đầu tư về tài chính, trau dồi kiến thức kinh doanh, phát triển thị trường, đào tạo nhân lực, tiến hành điều tra, nghiên cứu, xây dựng, giới thiệu những sản phẩm du lịch hấp dẫn. Đội ngũ nhân viên marketing phải chuyên nghiệp, làm việc có hiệu quả để quảng bá hình ảnh của công ty trên thị trường khách. Việc khai thác thị trường khách quốc tế trong tỉnh là việc các công ty lữ hành quốc tế cần triển khai thực hiện, từ đó phát triển hơn nữa hoạt động kinh doanh lữ hành của tỉnh.

2.2.2.5. Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch khác (dừng chân, mua sắm, vui chơi, giải trí, thể thao...).

Các dịch vụ như sân golf, sân tennis, điểm dừng chân, bể bơi, hàng lưu niệm ngày một phong phú, đạt chất lượng thu hút lượng khách lớn. Hệ thống các điểm dừng chân cũng được phát triển theo sự phát triển du lịch của tỉnh. Hải Dương nằm trên trục đường chính Hà Nội – Hải Phòng, Hà Nội - Quảng Ninh nên có thể coi Hải Dương là một điểm dừng chân lý tưởng cho các du khách khi đi qua nơi này.

Năm 2005 cả tỉnh có 8 điểm dừng chân được đầu tư xây dựng. Đến năm 2006 đã có tới 16 đơn vị kinh doanh điểm dừng chân phục vụ khách du lịch, trong đó có 8 điểm chuyên phục vụ khách du lịch quốc tế đến từ: Anh, Pháp, Nga, Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan... với các hình thức kinh doanh dịch vụ như: thể thao (golf, tennis), massage, quà lưu niệm, đặc sản nổi tiếng, ăn uống... Các điểm dừng chân chủ yếu được xây dựng trên quốc lộ 5A và quốc lộ 18, tiêu biểu các điểm như: Việt Tiên Sơn, Minh Anh 77, Simtho, nhà hàng Minh Đức, Việt Nam House, Thăng Long Star, Sân golf Ngôi Sao Chí Linh. Lượng khách du lịch thống kê được tại các điểm dừng chân là rất lớn và tăng dần theo các năm. Lượng khách quốc tế tại các điểm dừng chân tăng bình quân khoảng 18 – 19%. Trong năm 2007 sân golf Ngôi Sao Chí Linh đón khoảng 80.000 lượt khách đến giải trí, thi đấu, chơi golf (trong đó phần lớn là khách quốc tế chiếm 65 – 70%), và khoảng 1000 000 lượt khách dừng chân mua sắm, ăn uống, nghỉ ngơi ở những điểm khác. Tại các điểm dừng chân này du khách có thể mua được những món quà lưu niệm, hay những sản vật địa phương về làm quà. Đây là một hình thức chào bán hàng và giới thiệu sản phẩm du lịch một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất.

Ngoài những điểm dừng chân trên quốc lộ 5 và quốc lộ 18, tại các điểm thăm quan du lịch của tỉnh còn có hệ thống các hàng quán phục vụ cho nhu cầu của khách như: các đồ ăn, uống, quà lưu niệm... hệ thống các hàng quán này ngày một tăng và được ban quản lý ở đó quản lý, giám sát hoạt động theo quy hoạch. Tuy nhiên việc quản lý chưa thực sự sát sao, vẫn còn có những hàng quán lộn xộn, họ tranh giành, chèo kéo khách, làm mất đi tính văn hóa tại điểm thăm quan, dừng chân. Một số điểm tham quan thì hệ thống hàng quán chưa thực sự phát triển, còn lẻ tẻ, chưa được quy hoạch quản lý.

Hệ thống các điểm dừng chân, các cơ sở dịch vụ vẫn hoạt động ở mức sơ khai, nhỏ lẻ, chưa được chuyên nghiệp, hoạt động không theo một tiêu chuẩn hay quy định cụ thể nào, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp còn kém, tính liên kết chưa cao, giá cả các hàng lưu niệm không đồng nhất... vì thế đã làm mất thị trường khách, làm giảm chi tiêu mua sắm du lịch của khách. Vấn đề được đặt ra ở đây là cần có sự quy hoạch quản lý của các cấp,

ngành, tạo điều kiện khuyến khích các cơ sở mở rộng hoạt động kinh doanh. Đồng thời các cơ sở cần có sự đầu tư nâng cấp chất lượng dịch vụ, thu hút khách du lịch, tăng sự chi tiêu du lịch của khách, liên kết chặt chẽ với các nơi có đặc sản nổi tiếng, các làng nghề sản xuất hàng lưu niệm để đưa những sản phẩm đó đến tay những du khách, cùng nhau tạo thương hiệu, quảng cáo quảng bá để những sản phẩm đó ngày càng được du khách biết đến và ưa chuộng, nhằm đạt hiệu quả kinh doanh, thu lợi nhuận, đảm bảo việc hỗ trợ cho sự phát triển du lịch của tỉnh, đóng góp thêm phần thu ngân sách cho du lịch.

==> Doanh thu trong hoạt động du lịch

Với tất cả các hoạt động dịch vụ du lịch trên, ngành du lịch cũng đã có doanh thu đáng kể.

Doanh thu hay mức thu nhập du lịch là cơ sở đánh giá hiệu quả kinh tế của ngành du lịch. Mức tăng trưởng của ngành du lịch biểu hiện ở mức tăng trưởng của doanh thu du lịch và mức tăng trưởng của ngân sách du lịch nộp cho nhà nước. Doanh thu du lịch ở đây bao gồm tất cả các khoản thu do khách du lịch chi trả, đó là doanh thu từ lưu trú, ăn uống, lữ hành, vận chuyển khách du lịch, hàng lưu niệm, các dịch vụ phục vụ du lịch như vui chơi giải trí, thể thao...

Cùng với sự phát triển của du lịch cả nước, du lịch Hải Dương cũng có những bước phát triển, có những đóng góp cho ngân sách nhà nước. Điều đó được biểu hiện ở doanh thu du lịch của Hải Dương trong những năm gần đây. Những năm gần đây doanh thu du lịch Hải Dương có mức tăng trưởng bình quân là 36,5%. Năm 2004 doanh thu du lịch đạt 206 tỷ đồng tăng 23% so với năm 2003, lợi nhuận doanh thu đạt 3,3 tỷ đồng tăng 15% , nộp cho nhà nước 6 tỷ đồng tăng 17%. Năm 2005 đạt 300 tỷ đồng tăng 14,6%, lợi nhuận đạt 4,1 tỷ đồng, tăng 24%, nộp ngân sách nhà nước 8 tỷ tăng 33%. Năm 2006 đạt 360 tỷ đồng, tăng 12%, lợi nhuận đạt 5,2 tỷ đồng tăng 27%, nộp cho ngân sách nhà nước 20 tỷ đồng tăng 20%. Năm 2007 đạt 465 tỷ đồng, tăng 12,9%. Năm 2009, doanh thu của ngành du lịch tỉnh ước đạt 637 tỷ đồng, tăng hơn 20% so với năm 2008. Sự tăng trưởng của doanh thu du lịch Hải Dương tăng ở mức tương đối.

Bảng4: số liệu tổng doanh thu du lịch Hải Dương giai đoạn 2004 – 2009

Năm	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ lệ tăng (%)
2004	206	23
2005	300	37
2006	360	20
2007	465	29.2
2009	637	20

Nguồn: Sở văn hóa, Thể thao và du lịch Hải Dương

Tuy vẫn thấp nhưng nhìn chung giai đoạn 2004 – 2009 doanh thu du lịch Hải Dương đều tăng qua các năm. Điều đó cho thấy du lịch Hải Dương đang từng bước phát triển theo định hướng phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế với sự tăng tỷ trọng của ngành dịch vụ du lịch trong GDP của tỉnh từ 1,56% năm 2005 lên 2,27% năm 2007 và 4,3% năm 2009.

Bảng5: số liệu cơ cấu doanh thu du lịch giai đoạn 2004 – 2007

Năm	2004	2005	2006	2007	2009
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	206	300	360	465	637
Dịch vụ lữ hành	9,2	8	3,6	19,5	27
Dịch vụ lưu trú	28,5	38,05	72	90,5	95
Dịch vụ ăn uống	45,3	61,13	82,8	95	97
Bán hàng hóa	50,0	60,58	54	80	87
Dịch vụ vận chuyển	44,8	55,62	97,2	105	110
Các dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao và dv khác	28,2	76,62	50	75	86

Nguồn: Sở văn hóa, Thể thao và du lịch Hải Dương

Trong sự tăng trưởng chung của tổng doanh thu thì doanh thu theo các loại hình dịch vụ du lịch đều có sự thay đổi theo các năm, nhưng thay đổi theo hướng tăng dần. Doanh thu tăng nhanh nhất và chiếm tỷ lệ cao trong tổng doanh thu là lĩnh vực kinh doanh vận chuyển và bán hàng ăn uống, tiếp theo là doanh thu cho thuê phòng. Còn doanh thu trong các lĩnh vực khác như: lữ hành, vui chơi, giải trí, các dv khác còn thấp và có sự tăng trưởng không ổn định. Doanh thu của những lĩnh vực này giảm sút là do cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu của khách. Đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh lữ hành, doanh thu thấp nhất và chiếm tỷ lệ thấp nhất

trong tổng doanh thu du lịch của tỉnh. Điều này cho thấy hoạt động lữ hành của tỉnh còn kém.

2.2.3. Đầu tư trong du lịch.

Trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam đã xác định du lịch là một ngành kinh tế mũi nhọn quan trọng, vì vậy cũng như chiến lược phát triển du lịch của cả nước trong thời gian tới Hải Dương cần có chiến lược cụ thể khai thác triệt để, có hiệu quả tiềm năng trên địa bàn tỉnh, từ đó góp phần đưa ngành du lịch của tỉnh và của cả nước đạt được mục tiêu, chiến lược đã đề ra. Để đạt được các chỉ tiêu, vấn đề đầu tư trong du lịch giữ vai trò hết sức quan trọng. Đó là nguồn vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành, các cơ sở vui chơi giải trí... tuyên truyền quảng bá, quảng cáo, xúc tiến hoạt động du lịch, đầu tư cho các nghiên cứu... Nếu không có đầu tư hoặc đầu tư không cục bộ thì việc khai thác tài nguyên, phát triển du lịch sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Là một tỉnh có những lợi thế về vị trí địa lý, về hệ thống giao thông, tài nguyên du lịch, nguồn nhân lực... Hải Dương đang đứng trước nhiều cơ hội thuận lợi để phát triển du lịch. Để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh cũng như cả nước, Hải Dương đã tiến hành quy hoạch đầu tư cho du lịch, nhằm đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế quan trọng. Cụ thể Hải Dương đã tiến hành phân kỳ thực hiện “quy hoạch phát triển du lịch Hải Dương năm 2020” từ đó có những tính toán đầu tư trong từng giai đoạn. Nhiều tổ chức cá nhân thuộc nhiều thành phần kinh tế đã tham gia đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, nhất là đầu tư xây dựng hệ thống khách sạn, nhà hàng, và các khu vui chơi giải trí tổng hợp. Cùng với nguồn vốn nhà nước đầu tư, cải tạo các cơ sở hạ tầng du lịch, bảo tồn các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh quan trọng với tổng số vốn đầu tư giai đoạn 2001 – 2005 là 880 tỷ đồng, nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp vào các dự án phát triển du lịch đã lên tới hàng nghìn tỷ đồng.

Trong thời gian từ 2001 đến nay, Hải Dương đã tiến hành lập và thực hiện các đề án, dự án nhằm phát triển du lịch của tỉnh như:

+) Dự án xây dựng các khu đô thị mới ở thành phố Hải Dương của công ty đầu tư Nam Cường bao gồm: khu thương mại – du lịch và khu đô thị mới phía Đông thành phố rộng 72ha, với tổng số vốn đầu tư là 460 tỷ đồng, khu du lịch sinh thái rộng 35,8ha, tổng số vốn đầu tư là 213 tỷ đồng.

+) Dự án đầu tư xây dựng khu biệt thự sinh thái và vui chơi giải trí tại Phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương của Cty TNHH Hữu Nghị với diện tích 12 440m², với tổng số vốn đầu tư là 50 tỷ đồng.

+) Dự án xây dựng khu sân golf tại Chí Linh của công ty cổ phần sân golf Ngôi sao Chí Linh, có quy mô 36 lỗ loại 3A(loại tốt nhất thế giới), đứng đầu châu Á có đủ sức cạnh tranh với bất kỳ sân golf nào ở Việt Nam. Tổng S của sân golf là 324ha, trong đó có diện tích làm sân golf và một phần diện tích làm các loại hình thể thao, vui chơi giải trí và các dịch vụ kèm theo. Sân golf sử dụng tới 300 lao động với tổng số vốn đầu tư ban đầu vào khoảng 591.680 nghìn tỷ đồng. Những công trình dịch vụ tại sân golf sẽ bao gồm 2 khách sạn 5 sao, 350 biệt thự cho khách chơi golf thuê...

+) Dự án đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái sông Hương – Thanh Hà, dự án quy hoạch đảo cò Chi Lăng Nam – Thanh Miện.

+) Dự án xây dựng khách sạn 4 sao Nam of London tại bán đảo hồ Bạch Đằng với tổng số vốn đầu tư 5.068.597 USD.

+) Dự án xây dựng khu sinh thái và hàng lưu niệm thủ công mỹ nghệ của công ty Gia Bảo tại Việt Hòa – Hải Dương, với vốn đầu tư 26 tỷ đồng.

+) Dự án xây dựng xây dựng trung tâm du lịch dịch vụ Côn Sơn của công ty thương mại và dịch vụ Hà Nội, với tổng số vốn đầu tư ban đầu là 10 tỷ đồng.

+) Đề án xây dựng khu du lịch hồ Mật Sơn.

+) Đề án khảo sát xây dựng tour du lịch “Chí Linh Bát Cổ”...

Cho đến nay, cơ sở hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch Hải Dương đã được đầu tư xây dựng khá phát triển. Các khu du lịch, điểm du lịch đã được cải thiện một cách căn bản về hạ tầng giao thông, điện, nước... các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch đã được đầu tư nâng cấp và xây mới nhiều, có những điểm dịch vụ phục vụ cho từng loại khách khi đến đây, đó là sự đầu tư có hiệu quả cần được phát huy. Tuy nhiên sự đầu tư vẫn chưa thực sự trọng

điểm vẫn mạnh mún, chưa có sự đầu tư hợp lí vào các hạng mục công trình phục vụ du khách như các nhà hàng, khách sạn vẫn chưa đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu của khách, thiếu các khu vui chơi giải trí, nghỉ ngơi... đó là một bất cập mà ngành du lịch Hải Dương cần xem xét và đầu tư đúng mức, có hiệu quả.

2.2.4. Lao động trong du lịch.

Để phát triển du lịch không thể không kể đến nguồn nhân lực ngày càng tận tụy với công việc phục vụ du khách. Hải Dương là tỉnh có dân số đông, là cơ sở để phát triển nguồn nhân lực dồi dào mà không mất thời gian và công sức để tìm kiếm. Những nhân viên trực tiếp hoạt động trong ngành đóng vai trò hết sức quan trọng, họ là cầu nối giữa khách với các sản phẩm du lịch, họ có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng các dịch vụ.

Năm 2007 toàn tỉnh thống kê có khoảng hơn 7000 lao động hoạt động trong lĩnh vực du lịch, số lao động trực tiếp vào khoảng 2500 người, ngoài ra còn hàng nghìn lao động gián tiếp khác. Với hiện trạng của ngành thì đội ngũ lao động này đáp ứng tương đối về số lượng, có sự phân công lao động phù hợp.

Bảng6: Lao động trong các đơn vị kinh doanh du lịch được điều tra năm 2008.

	Tổng số lao động trong các đơn vị kinh doanh	2036	Tỷ lệ%
Phân theo trình độ	Đại học, trên đại học	245	12,03
	Cao đẳng, trung cấp	570	28
	Phổ thông trung học	1221	59,97
Phân theo chuyên môn nghiệp vụ	Quản lý	213	10,46
	Hướng dẫn viên	28	1,38
	Lái xe	120	5,89
	Lễ tân	141	6,93
	Buồng	139	6,83
	Bàn	259	12,72
	Bán hàng	166	8,15
	Loại khác	801	41,31
Phân theo trình độ ngoại ngữ	Tiếng anh	511	25,10
	Tiếng trung	127	6,24
	Tiếng pháp	11	0,54
	Ngoại ngữ khác	113	5,55
	Không ngoại ngữ	1274	62,57

Nguồn: Sở văn hóa, Thể thao và du lịch Hải Dương

Với sự phát triển du lịch như hiện nay thì nguồn lao động trong du lịch vẫn còn kém. Chất lượng lao động chưa cao, vì vậy chất lượng phục vụ khách du lịch vẫn ở mức thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch.

Số lượng lao động có trình độ Đại Học, trên Đại Học của tỉnh là 245 người, chiếm 12,03%, trình độ Cao Đẳng, Trung cấp là 570 người, chiếm 28%. Tỷ lệ này là quá thấp so với yêu cầu đặt ra của một ngành dịch vụ, trong khi đó lao động phổ thông trung học chưa đào tạo qua trường lớp, nghiệp vụ chuyên môn thì chiếm tới 59,97%. Đây là sự chênh lệch trình độ quá lớn là một vấn đề lớn cần được đặt ra để các cấp chính quyền, và sở, phòng văn hóa có hướng giải quyết kịp thời.

Trình độ ngoại ngữ của lao động du lịch lịch tỉnh cũng là một vấn đề không nhỏ. Số lượng lao động có trình độ ngoại ngữ lớn là một lợi thế trong việc phục vụ khách quốc tế, nâng cao hiệu quả phục vụ khách du lịch. Nhưng ở Hải Dương số lao động có trình độ ngoại ngữ còn rất hạn chế, chiếm khoảng 37,43%, còn lại 62,57% lao động không biết ngoại ngữ. Đây là vấn đề cấp bách đặt ra cho ngành du lịch Hải Dương về chất lượng lao động.

Mức thu nhập của mỗi lao động trong vẫn ở mức thấp. Điều này cũng là nguyên nhân làm cho số lượng lao động trực tiếp trong ngành du lịch còn ít, đặc biệt là những người có trình độ Đại Học, Cao Đẳng, trình độ ngoại ngữ. Nhiều lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ du lịch nhưng họ không làm du lịch mà làm trái nghề, vì mức thu nhập của ngành du lịch đối với người lao động là quá thấp, chế độ đãi ngộ với họ không thực sự được trú trọng. Đây là một vấn đề mà ngành du lịch Hải Dương cần giải quyết. Những yếu kém về mặt quản lý, nghiệp vụ, ngoại ngữ và nhận thức về công tác du lịch làm giảm chất lượng phục vụ khách du lịch, làm giảm sự phát triển của ngành du lịch Hải Dương. Vì vậy công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của ngành cần được quan tâm.

Để nâng cao chất lượng lao động, nâng cao chất lượng phục vụ, đảm bảo sự phát triển du lịch của tỉnh, đòi hỏi các cấp, ngành phải có những chính sách cụ thể và chú trọng hơn nữa trong vấn đề này.

2.2.5. Những thành công và hạn chế.

2.2.5.1. Những thành công.

Những năm gần đây được sự quan tâm của tỉnh Hải Dương, các cấp ngành, đoàn thể, hoạt động du lịch của Hải Dương đã có những thành công đáng kể.

Các cấp chính quyền của tỉnh đã nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động du lịch đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Lượng khách đến với Hải Dương ngày một nhiều hơn, doanh thu từ hoạt động phục vụ du khách từ đó cũng tăng theo, tạo thêm việc làm cho người lao động, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, chuyển dịch cơ cấu địa phương.

Tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn đang được đầu tư, bảo tồn và khai thác hợp lý, để đưa vào phục vụ du khách thăm quan như: Khu đảo cò Chi Lăng Nam,

Danh thắng Côn Sơn – Kiếp Bạc, khu di tích đền thờ thầy giáo Chu Văn An, khu di tích An Phụ, làng nghề truyền thống...

Cơ sở hạ tầng được cải tạo và nâng cấp, cơ sở vật chất phục vụ du lịch ngày càng được quan tâm đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, ngày càng đáp ứng được nhu cầu nghỉ ngơi của du khách.

Đội ngũ những người hoạt động du lịch gia tăng cả về số lượng và chất lượng. trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người lao động bước đầu đáp ứng được nhu cầu của thị trường khách.

2.2.5.2. Một số hạn chế.

Bên cạnh những thành công thì hoạt động khai thác tiềm năng du lịch vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục.

Tài nguyên du lịch Hải Dương tuy đa dạng, phong phú nhưng còn đang ở dạng tiềm năng chưa thực sự được khai thác triệt để phục vụ cho hoạt động

du lịch. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch còn nghèo nàn cả về chất lượng và số lượng.

Việc khai thác các tài nguyên du lịch mới được triển khai nên gây khó khăn cho công tác quản lý và quy hoạch. Một số tài nguyên chưa được chú ý đầu tư khai thác một cách tích cực, tập trung, đồng bộ nên đã bị xuống cấp.

Các sản phẩm phục vụ du lịch còn nghèo nàn cả về số lượng và chất lượng. Chưa có sản phẩm đặc trưng, hàng hóa đơn điệu, kém chất lượng. Chính sách đầu tư vào phát triển các sản phẩm du lịch chưa được quan tâm đúng mức và đúng hướng.

Hoạt động du lịch thu hút ngày càng đông lao động tham gia, tuy nhiên đội ngũ lao động phục vụ du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu của công việc. Đội ngũ lao động phổ thông chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ quá lớn. Đây là một khó khăn cho hoạt động du lịch phát triển. Trình độ quản lý và kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn còn yếu kém, chưa có khả năng giao tiếp, ứng xử.

Các công ty lữ hành hoạt động chưa hiệu quả, còn non kém trong việc quảng bá hình ảnh, đưa đón khách quốc tế cũng như khách nội địa. Sản phẩm du lịch của họ không đa dạng, phong phú, nên không thu hút được nguồn khách.

Các nhà hàng khách sạn còn ít, chất lượng phục vụ chưa cao, quy mô còn nhỏ lẻ, chưa đáp ứng hết nhu cầu của du khách...

2.2.5.3. Nguyên nhân.

Mặc dù có tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú đặc biệt là những lễ hội mang tầm quốc gia song so với các vùng lân cận, tài nguyên du lịch ở Hải Dương cũng chưa thực sự nổi trội, hấp dẫn, môi trường và điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, xã hội để phát triển du lịch còn nhiều hạn chế.

Tài nguyên du lịch nhiều nhưng chỉ khai thác được một phần, du khách đến đây chủ yếu là đi lễ hội, đền chùa, trở về với cõi tâm linh chứ các hoạt động dịch vụ khác của du lịch họ chưa sử dụng nhiều.

Nhận thức của các cấp, ngành và nhân dân địa phương về vị trí vai trò của tiềm năng du lịch, về bảo vệ môi trường chưa đầy đủ, chất lượng dân trí không đồng đều nên ảnh hưởng đến khai thác và chất lượng phục vụ du lịch.

Nhận thức của người dân về du lịch và vai trò của du lịch đối với sự phát triển kinh tế, xã hội còn hạn chế. Do vậy dẫn đến hành động sai, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của du lịch.

Tiềm năng du lịch lớn nhất của Hải Dương là du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, nhưng loại hình du lịch này lại mang tính mùa vụ cao. Điều này gây cản trở lớn đến sự phát triển của du lịch.

Chưa có hệ thống thu gom rác thải thường xuyên, ý thức bảo vệ môi trường của dân địa phương và du khách chưa cao, các biện pháp tuyên truyền bảo vệ môi trường còn kém.

Công tác tuyên truyền, quảng cáo, quảng bá, xúc tiến và môi trường đầu tư chưa cao, nên việc thu hút xây dựng các dự án phát triển du lịch còn hạn chế, và chậm được triển khai, kinh phí cho các hoạt động này còn quá ít.

Chưa quan tâm đúng mức đến việc đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực tại địa phương vào hoạt động du lịch, nên chất lượng phục vụ du lịch thấp, chưa để lại ấn tượng cho du khách...

Chương III. Phương hướng và giải pháp phát triển

3.1. Phương hướng phát triển du lịch Hải Dương.

Căn cứ vào tiềm năng về tài nguyên du lịch và thực trạng khai thác du lịch Hải Dương, nhận thức được tầm quan trọng của ngành du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, chính quyền các cấp, ban ngành đã xác định: “...phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn”, trên cơ sở khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hoá lịch sử, huy động tối đa nguồn lực của tỉnh và tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ, đầu tư của các cá nhân và tập thể góp phần đẩy nhanh sự phát triển du lịch của tỉnh đồng thời góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. UBND tỉnh Hải Dương đã đề ra định hướng, mục tiêu phát triển du lịch Hải Dương trong thời gian 2010 – 2020 cụ thể như sau:

* *Về mục tiêu cụ thể:* Phát triển ngành kinh tế du lịch năng động, nâng cao thu nhập của người dân địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo công ăn việc làm, cải thiện cán cân thanh toán bằng cách tạo ra môi trường thuận lợi cho sự tăng trưởng và phát triển, đưa du lịch trở thành một ngành quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chiếm tỷ trọng đáng kể trong khối ngành dịch vụ - thương mại – du lịch.

Chỉ tiêu về khách du lịch: + khách quốc tế: Năm 2010: 100.000 lượt

Năm 2015: 350.000 lượt

+ khách nội địa: Năm 2010: 350.000 lượt

Năm 2015: 650.000 lượt

Khách không lưu trú: năm 2010: 600.000 lượt khách

Năm 2015: 1000.000 lượt khách

Thu nhập xã hội từ du lịch:

Năm 2010: 565,8 tỷ đồng

Năm 2015: 1.584,9 tỷ đồng.

* Hướng tổ chức quản lý và các hoạt động kinh doanh du lịch

Về quản lý: tạo mọi điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động du lịch một cách bình đẳng.

Về sản phẩm du lịch: tập trung phát triển những loại hình du lịch mang bản sắc riêng của Hải Dương như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch lễ hội, du lịch làng nghề...

Về thị trường: hướng tới thị trường tiềm năng (thị trường khách quốc tế): Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan... song trước mắt cần phải mở rộng và củng cố khai thác thị trường khách du lịch nội địa, thị trường khách hiện tại và tương lai của du lịch Hải Dương là khách: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Bắc Giang... và các tỉnh phụ cận.

Về tiếp thị và xúc tiến quảng bá du lịch: tạo lập và nâng cao hình ảnh du lịch Hải Dương qua các phương tiện truyền thông như: Internet, đài truyền hình, đài phát thanh, qua các ấn phẩm, đĩa hình, tờ rơi, đặt các văn phòng đại diện du lịch tại các tỉnh trên toàn quốc để quảng bá hình ảnh.

Về đào tạo nguồn nhân lực: tổ chức đào tạo lại, đào tạo mới đội ngũ cán bộ, công nhân viên bằng cách tự tổ chức các lớp học tại tỉnh. Đồng thời phối hợp với các tỉnh bạn và các tổ chức du lịch để đào tạo các cán bộ theo chương trình, dự án của ngành, có chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút nhân tài về quản lý, kinh doanh du lịch về phục vụ cho du lịch Hải Dương.

* *Hướng đầu tư phát triển du lịch.*

- Đầu tư tôn tạo kết cấu hạ tầng: cải tạo nâng cấp và phát triển hệ thống giao thông, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, mở rộng hệ thống du lịch trên phạm vi toàn tỉnh đến các điểm các khu du lịch một cách thuận tiện.

- Đầu tư khai thác các lợi thế có sẵn và tiềm năng du lịch bao gồm:

Đầu tư phát triển các tuyến du lịch, các khu du lịch sinh thái như: làng cò Chi Lăng Nam, khu sinh thái Thanh Mai, khu sinh thái sông Hương Thanh Hà, khu đa dạng sinh học Áng Béc – Kinh Môn.

Đầu tư cho các làng nghề truyền thống như: gốm Chu Đậu, làng nghề vàng bạc Châu Khê, chạm khắc đá Kính Chủ...

Đầu tư tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội truyền thống như: Côn Sơn – Kiếp Bạc, Chu Văn An, di tích lịch sử đền Quát, di tích làng Mộ Trạch...

Đẩy mạnh đầu tư cho cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng du lịch, khu vui chơi giải trí, ưu tiên xây dựng khách sạn mới hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế, nâng cấp những khách sạn, nhà nghỉ hiện có

Đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: đào tạo, và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hiện có, kết hợp với đào tạo mới nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt và chuẩn bị cho lâu dài.

Tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư bằng cách ban hành những chính sách đầu tư ưu đãi nhằm thu hút nguồn vốn để phát triển du lịch.

- Nguồn sản phẩm du lịch hình thành và tập trung tại các khu, điểm du lịch vì vậy trong sự phát triển du lịch của tỉnh cần đầu tư vào các khu du lịch chính, tạo tiền đề, cơ sở cho các điểm du lịch khác trong tỉnh. Hải Dương có 3 khu trọng điểm du lịch đó là: Khu Côn Sơn – Kiếp Bạc, thành phố Hải Dương, khu An Phú – Kính Chủ và vùng núi Dương Nham.

** Hướng tổ chức không gian du lịch theo lãnh thổ và theo tuyến.*

Định hướng phát triển du lịch Hải Dương theo lãnh thổ và theo tuyến trục kinh tế là vấn đề tổ chức không gian du lịch dựa trên những giá trị và sự phân bố của các tài nguyên du lịch, kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, đặc biệt là cơ sở lưu trú trên lãnh thổ nghiên cứu.

→ Căn cứ vào sự phân bố tài nguyên du lịch cũng như các điều kiện về cơ sở hạ tầng - kinh tế xã hội trên lãnh thổ Hải Dương có thể tổ chức thành hai cụm du lịch chính:

- Cụm du lịch Chí Linh – Kinh Môn với trọng điểm du lịch chính là Côn Sơn – Kiếp Bạc và một trọng điểm phụ trợ là An Phú - Dương Nham. Các sản phẩm du lịch chủ yếu là: du lịch văn hóa, lịch sử, lễ hội lớn,

với vùng sinh thái đa dạng của núi non, rừng cây, hang động và sông nước.

- Cụm thành phố Hải Dương và vùng phụ cận Nam Sách, Cẩm Giàng, Thanh Hà, Kim Thành và một phần Gia Lộc, Thanh Miện, Tứ Kỳ, Ninh Giang với trọng điểm là thành phố Hải Dương. Các sản phẩm du lịch chủ yếu là văn hóa, lịch sử, lễ hội cùng các vùng sinh thái đồng bằng và những sông ngòi...

→ Căn cứ vào điều kiện địa lý, du lịch Hải Dương nằm trong vùng phụ cận mà trung tâm là thủ đô Hà Nội và mối liên hệ mang tính liên vùng du lịch với các tỉnh trong khu vực, việc phát triển không gian du lịch Hải Dương được tổ chức theo các tuyến chính sau:

- Tuyến du lịch quốc tế.
 - Hải Dương – Hà Nội – Sân Bay quốc tế Nội Bài – Các nước
 - Hải Dương – quốc lộ 18 – Quảng Ninh – Cửa khẩu quốc tế Móng Cái – Trung Quốc
 - Hải Dương – Bắc Ninh – Lạng Sơn – cửa khẩu Hữu Nghị quan – Trung Quốc...
- Tuyến du lịch liên tỉnh:
 - Hải Dương – Hưng Yên – Thái Bình – Nam Định – Ninh Bình – Các tỉnh phía nam.
 - Hải Dương – Hà Nội – Hà Tây – Các tỉnh tây bắc...
- Tuyến du lịch nội tỉnh.
 - Tuyến Nam Sách – Bình Giang – Thanh Miện, tuyến này là tuyến du lịch tổng hợp thăm các di tích lịch sử văn hóa và các làng nghề, khu sinh thái
 - Tuyến Chí Linh – Kinh Môn, tuyến này có mật độ tài nguyên nhân văn cao, tập trung khai thác tiềm năng du lịch tham quan, nghiên cứu, những di tích lịch sử, hang động và vùng núi Dương Nham.

Ngoài ra Hải Dương còn khai thác tuyến du lịch đường sông liên tỉnh từ Lục Đầu Giang – Nguyệt Hà – qua sông Kinh Thầy – sông Bạch Đằng, kết thúc ở Quảng Yên rồi quay trở lại. Hay tuyến sinh thái đường sông, sông Hương – Thanh Hà, thăm vườn vải Thanh Hà.

3.2. Các giải pháp phát triển.

3.2.1. Nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh, quản lý nhà nước về du lịch và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ du lịch.

Để hoạt động du lịch phát triển, Hải Dương cần quan tâm đến việc củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch, kiện toàn tổ chức bộ máy và cơ chế quản lý du lịch, quản lý tài nguyên du lịch trên địa bàn tỉnh tương ứng với chức năng nhiệm vụ của một ngành kinh tế trọng điểm từ đó tham mưu cho các cấp, ngành trong huyện và tỉnh xây dựng chiến lược phát triển du lịch Hải Dương sao cho đúng hướng và phù hợp với xu thế phát triển của cả nước và phù hợp với tiềm năng sẵn có của tỉnh.

Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tất cả các đối tượng thuộc các thành phần kinh tế khác nhau hoạt động trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh trên cơ sở các văn bản pháp luật, các quy định của UBND tỉnh, Tổng cục Du lịch và của các ngành liên quan.

Tăng cường sự phối kết hợp với các ngành chức năng, các cấp chính quyền trong việc quản lý các hoạt động khai thác tài nguyên du lịch và hoạt động kinh doanh du lịch. Gắn trách nhiệm cá nhân cho người lãnh đạo các cấp đối với kết quả của hoạt động quản lý du lịch.

Tăng cường công tác thanh, kiểm tra các hoạt động kinh doanh du lịch, để phát hiện sớm và kịp thời xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh du lịch của các doanh nghiệp.

Giao quyền quản lý và sử dụng việc khai thác và bảo tồn các tài nguyên du lịch và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh du lịch cho chính quyền địa phương, có sự giám sát của cộng đồng địa phương.

Xây dựng các quy chế quản lý đối với các điểm du lịch, khu du lịch, các hoạt động khai thác tài nguyên du lịch và cơ sở kinh doanh du lịch theo quy định của pháp luật.

Nguồn lao động phục vụ trong hoạt động du lịch đóng vai trò then chốt trong sự thành công hay thất bại của hoạt động du lịch. Người làm trong lĩnh vực du lịch đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt, thân thiện, nhiệt huyết với nghề. Đây cũng là vấn đề cấp thiết mà du lịch Hải Dương đang mắc phải và là vấn đề chủ chốt mà Hải Dương cần phải khắc phục ngay. Vì vậy cần có chính sách hợp lý trong công tác đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực phục vụ trong lĩnh vực này, nhằm nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của khách.

Cần làm tốt công tác tuyển dụng, điều tra đánh giá chất lượng nguồn lao động để tuyển dụng được người có đầy đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ưu tiên lao động là người địa phương. Vì lao động bản địa là những người hiểu rõ phong tục tập quán, hiểu rõ về những điểm du lịch.

Đánh giá đúng trình độ chuyên môn của người lao động để phân công, bố trí, sắp xếp công việc hợp lý, nâng cao hiệu quả lao động.

Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Tăng cường hợp tác và trao đổi, học tập kinh nghiệm của các khu du lịch khác ngoài tỉnh và trong và nước, để chất lượng nguồn lao động ngày càng cao, phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách.

Có những chính sách đãi ngộ, quan tâm đến đội ngũ lao động để họ có đủ điều kiện và an tâm dồn hết tâm huyết của mình vào công việc, giúp cho hiệu quả công việc được tốt hơn.

3.2.2. Giải pháp về cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch.

Hệ thống cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng du lịch là yếu tố không thể thiếu, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động du lịch.

Hải Dương có tiềm năng du lịch khá phong phú và hấp dẫn nhưng trên thực tế hệ thống cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng còn rất hạn chế, nghèo nàn do vậy cần phải đầu tư xây dựng các tuyến đường chính dẫn tới các khu du lịch, đây là việc làm có ý nghĩa rất quan trọng giúp cho giao thông thuận lợi, đồng thời tạo niềm tin cho các nhà đầu tư.

Huy động nguồn vốn của các tổ chức cá nhân, ưu tiên thu hút vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật ở những điểm du lịch đang có ưu thế thu hút khách du lịch như: Côn Sơn – Kiếp Bạc, khu di tích đền thờ Chu Văn An, làng cò Chi Lăng Nam...

Xây dựng hệ thống nhà hàng, khách sạn, nơi bán hàng lưu niệm, điểm dừng chân sao cho phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của du khách. Xây dựng những khách sạn quy mô, đạt tiêu chuẩn để thu hút khách đến lưu trú, tham quan, nghỉ ngơi.

Hải Dương đang rất thiếu những khu vui chơi giải trí cho du khách nên cần phải đầu tư xây dựng những khu vui chơi giải trí để đáp ứng nhu cầu của khách là tham quan, nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí.

Các điểm dừng chân của khách du lịch cần tổ chức liên hoàn các công trình gần nhau để thuận tiện cho khách như:

- + Bãi đỗ xe
- + Trạm xăng
- + Trạm sửa chữa ô tô.
- + Công trình phục vụ ăn uống, giải khát.
- + Cửa hàng bán đồ lưu niệm.
- + Công trình nghỉ ngơi thư giãn tại chỗ...

Khuyến khích người dân địa phương xây dựng, cải tạo nhà cửa, có phòng cho khách thuê đảm bảo ăn nghỉ, sinh hoạt cho du khách tại các điểm du lịch, phát triển du lịch cộng đồng, đáp ứng nhu cầu của khách.

3.2.3. Giải pháp đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch đặc thù.

Đây là một trong những yếu tố quan trọng, thúc đẩy du lịch Hải Dương phát triển, nó đòi hỏi phải nhanh chóng tạo ra các sản phẩm du lịch mới, độc đáo mang đậm bản sắc riêng của Hải Dương.

Tiến hành điều tra đánh giá về hiện trạng các sản phẩm du lịch Hải Dương (chất lượng, số lượng, khả năng đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của du khách...), những tiềm năng tạo ra sản phẩm còn chưa được khai thác... để từ đó có kế hoạch xây dựng những sản phẩm mang tính đặc thù, có chất lượng cao và đáp ứng yêu cầu của những thị trường khách chính của Hải Dương.

Hải Dương cần tạo ra các sản phẩm du lịch độc đáo, mang sắc thái văn hóa, phong tục tập quán riêng như:

Phát triển khu sân golf Ngôi Sao Chí Linh trở thành sân golf quốc tế có tiếng, thu hút khối lượng lớn khách quốc tế và trong nước.

Huy động các nguồn vốn đầu tư, nâng cấp hình thành các điểm du lịch chuyên đề và tổng hợp.

Tổ chức tour du lịch sinh thái đường sông trên khu vực sinh thái sông Hương tại huyện Thanh Hà.

Đối với các địa phương, các huyện có truyền thống văn hóa và lễ hội cũng cần có những sản phẩm lưu niệm đặc thù, kỷ niệm chương, những hàng thủ công mỹ nghệ đặc sắc của địa phương đó.

Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng, cùng với đó lập những tour du lịch nghỉ cuối tuần cho du khách, nhất là nguồn khách từ Hà Nội. Sau một tuần làm việc mệt mỏi, cuối tuần là dịp họ nghỉ ngơi thư giãn tìm về những khu du lịch nghỉ dưỡng để hít thở không khí trong lành của miền quê, vùng đồi núi. Vì vậy cần đầu tư để có được những khu nghỉ dưỡng độc đáo mang sắc thái riêng của Hải Dương.

Lễ hội Côn Sơn – Kiếp Bạc là một lễ hội lớn không chỉ của tỉnh Hải Dương mà còn là lễ hội mang tầm vóc quốc gia chính vì vậy lễ hội cần phải

mang tính đặc thù riêng như: tạo nên một nền văn hóa dân gian riêng trong lễ hội, tạo nên một không khí tôn nghiêm nhắc nhở lại truyền thống tốt đẹp của thời Trần Hưng Đạo, của “Hào khí Đông A”, của Nguyễn Trãi, thông qua những vở diễn sân khấu do chính người dân địa phương dàn dựng, những hoạt động văn hóa dân gian kể tích xưa, tận dụng miền sông nước Lục Đầu Giang phối hợp với xứ Kinh Bắc để cho lễ hội diễn ra trên một diện rộng, cảnh tượng trên bến dưới thuyền ấy sẽ khiến du khách không khỏi hồi tưởng về thời hào hùng của dân tộc Việt Nam, qua đó sẽ thu hút được lượng du khách lớn đến đây.

Khu di tích đền thờ thầy giáo Chu Văn An, là nơi vùng núi thơ mộng gắn liền với các cuộc hướng đạo, nên ở đây cần có những “lễ hội về nguồn” mang tính truyền thống đặc sắc để nâng cao trình độ dân trí và nâng cao tinh thần hiếu học cho tầng lớp thanh thiếu niên và sinh viên...

Hải Dương hiện có rất nhiều làng nghề cổ truyền và làng nghề truyền thống, trong đó phải kể đến làng gốm Chu Đậu, và làng nghề vàng bạc Châu Khê, đây là hai làng nghề nổi tiếng chính bởi vậy để cho sản phẩm của nó đến được tay khách du lịch và được họ ưu chuộng thì phải tạo thương hiệu cho sản phẩm và phát triển làng nghề này thu hút khách du lịch tạo thành tour du lịch làng nghề.

3.2.4. Khai thác, bảo tồn tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn theo quan điểm phát triển bền vững.

Tài nguyên du lịch là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển của hoạt động du lịch, tài nguyên du lịch có hấp dẫn, phong phú mới thu hút được sự chú ý tham quan, cho nên để đảm bảo cho hoạt động du lịch phát triển mạnh và bền vững cần có chính sách khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên, có chính sách bảo vệ tài nguyên môi trường.

Hải Dương với định hướng phát triển du lịch văn hóa tâm linh, du lịch sinh thái vì vậy việc bảo vệ những bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái là việc cần được quan tâm, trú trọng.

Tại các điểm du lịch số lượng du khách đông, số lượng rác thải và tiếng ồn rất lớn vì vậy cần phải có biện pháp xử lý các chất thải tránh gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước làm ảnh hưởng đến cảnh quan tự nhiên.

Xây dựng các chương trình giáo dục môi trường có nội dung phù hợp với từng đối tượng tham gia với từng đối tượng tham gia hoạt động du lịch như người dân địa phương, khách tham quan, chính quyền địa phương...

Tăng cường đầu tư quy hoạch xây dựng và thực hiện các chương trình nhằm bảo vệ những bìa rừng tự nhiên của tỉnh, giáo dục cho du khách và người dân địa phương hiểu được lợi ích của rừng, cảnh quan tự nhiên rừng đối với hoạt động du lịch của tỉnh, tránh trường hợp chặt cây, bẻ cành, phá hoại tài nguyên rừng.

Thường xuyên nghiên cứu đánh giá về khả năng, sức chứa tại các điểm du lịch, đánh giá tác động của hoạt động du lịch đến môi trường để hạn chế tối đa những tác động xấu từ hoạt động du lịch đến môi trường tài nguyên. Khai thác phải đi đôi với hoạt động bảo tồn, hoạt động du lịch đem lại nguồn thu và lợi nhuận, những nguồn thu ấy chính quyền địa phương, các cấp ngành phải có sự tác động trở lại để bảo tồn, trùng tu, kiến thiết lại các nguồn tài nguyên để tránh trường hợp hư hại, xuống cấp, mất đi bản sắc vốn có của nó.

Xây dựng những bãi đỗ xe ở những vị trí thích hợp không gây ô nhiễm môi trường và tiếng ồn đối với cảnh quan xung quanh.

Giáo dục nâng cao ý thức của cộng đồng địa phương và thu hút cộng đồng địa phương tham gia tích cực vào hoạt động du lịch là một trong những quan điểm của phát triển du lịch bền vững giúp bảo vệ môi trường tài nguyên một cách thiết thực nhất.

Hoạt động du lịch ở Hải Dương hay bất kỳ một địa phương nào muốn phát triển một cách bền vững cũng không thể thiếu sự tham gia của cộng đồng địa phương. Cần giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân địa phương về giá trị của hoạt động du lịch, lôi cuốn họ tham gia tích cực vào hoạt động du lịch.

Giáo dục người dân địa phương về môi trường, về du lịch, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, tạo môi trường du lịch thuận lợi để người dân địa phương có thể tham gia vào mọi công việc của hoạt động du lịch.

Xây dựng những chương trình quảng bá mang tính giáo dục về môi trường, kiến thức về du lịch giúp người dân hiểu được vai trò của họ trong hoạt động du lịch, trong việc khai thác và bảo tồn tài nguyên du lịch để phục vụ khách du lịch và mang lại lợi ích cho chính bản thân họ. Cần làm cho người dân hiểu rằng tổ chức hoạt động du lịch là một trong những cách đảm bảo thu nhập cho họ đồng thời hỗ trợ tích cực cho công tác bảo tồn tài nguyên môi trường và phát triển bền vững.

Giáo dục cộng đồng địa phương hiểu rằng hoạt động du lịch là dịp để họ có thể trau dồi kiến thức, học hỏi, giao lưu văn hóa giữa các vùng miền, từ đó sẽ làm giảm tình trạng trèo, kéo khách, bắt chẹt khách, có thái độ, hành vi đối xử với khách không đúng mực sẽ được hạn chế tối đa, qua đó môi trường văn hóa, văn minh, lịch sự được giữ nguyên, du khách đến các điểm tham quan sẽ cảm thấy mình được đón tiếp nồng hậu, nhiệt tình và chu đáo, những điểm du lịch đó họ sẽ không chỉ đặt chân đến một lần mà còn mong muốn được quay trở lại.

Ưu tiên tuyển dụng lao động là người dân địa phương, đây là một việc làm thiết thực vì lao động là người dân ở tại những điểm du lịch họ hiểu biết về phong tục, tập quán, lối sống của người dân địa phương, hơn thế nữa họ có hiểu biết sâu rộng hơn về chính điểm du lịch đó, qua đó họ sẽ giới thiệu cho khách một cách tường tận hơn, giải thích cho khách cặn kẽ hơn những điều mà du khách thắc mắc, góp phần thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của hoạt động du lịch.

3.2.5. Đẩy mạnh xúc tiến quảng bá mở rộng thị trường.

Nét đặc trưng của sản phẩm du lịch là một loại hàng hóa, không nhìn thấy được, không thể chạm tay tới được, do vậy khách chỉ có thể nhận biết được sản phẩm du lịch khi đã mua và sử dụng nó và các nhà kinh doanh du

lịch không thể mang sản phẩm du lịch đến tận tay người tiêu dùng. Xuất phát từ đặc điểm này của sản phẩm du lịch đã cho ta thấy việc tuyên truyền quảng bá xúc tiến cho hoạt động du lịch có ý nghĩa rất lớn, kích thích cầu du lịch, nhằm thu hút sự chú ý của du khách tới những điểm du lịch hấp dẫn.

Hoạt động du lịch muốn phát triển phải nắm bắt được nhu cầu, thị hiếu của khách hàng, phải khai thác có hiệu quả tiềm năng của mọi tầng lớp trong xã hội tham gia vì vậy công tác tuyên truyền quảng bá marketing du lịch là hết sức cần thiết. Phải có một đội ngũ nhân viên marketing thị trường có đầy đủ kiến thức, kinh nghiệm và chuyên nghiệp để làm nhiệm vụ này.

Hải Dương tuy các điểm du lịch khá phong phú và hấp dẫn nhưng còn ít người biết đến, cần phải đẩy mạnh quảng bá tuyên truyền, giới thiệu với bạn bè bốn phương. Hải Dương cần xây dựng một chiến lược quảng bá hình ảnh của mình để thu hút sự quan tâm chú ý của du khách. Việc tuyên truyền quảng bá cho du lịch Hải Dương có thể tiến hành với nhiều hình thức như:

- Sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng: tạp chí, báo đài, lập một trang web riêng giới thiệu về du lịch Hải Dương... đây là những phương tiện truyền tin nhanh, rộng được nhiều người biết đến.
- Thiết kế và phát hành tập gấp, tờ rơi đưa ra một số thông tin chung giới thiệu về cảnh quan và sản phẩm du lịch Hải Dương có thể bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau.
- Tổ chức các tour du lịch khảo sát, mời đại diện của các công ty lữ hành, khách sạn lớn có uy tín, các cơ quan báo đài có thể viết bài, những mẫu tin ngắn gọn giới thiệu về du lịch Hải Dương.
- Thường xuyên tham gia vào các hội thảo, triển lãm, hội nghị về du lịch để học hỏi và tận dụng cơ hội giới thiệu, quảng bá hình ảnh về tiềm năng du lịch tới các khách hàng và nhà đầu tư.
- Kết hợp với các điểm du lịch khách trong khu vực và các vùng lân cận để giới thiệu tiềm năng và sản phẩm du lịch của địa phương mình.

3.2.6. Giải pháp về vốn.

Muốn hoạt động du lịch phát triển thì yếu tố quan trọng hàng đầu là vốn. Trong khi đó nguồn tích lũy từ GDP du lịch chỉ đáp ứng được một phần nhỏ. Đối với một tỉnh có nguồn thu còn khiêm tốn như Hải Dương thì việc huy động vốn cho đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách và tích lũy của doanh nghiệp du lịch là khá hạn chế, vì vậy cần có những giải pháp linh động tối đa các nguồn vốn trong và ngoài nước. Các nguồn vốn có thể huy động thêm là vốn hỗ trợ của TW, các bộ ngành, vốn đầu tư tư nhân, vốn liên doanh liên kết, vốn vay ngân hàng và các nguồn khác.

Vấn đề quan trọng là phải tạo được cơ chế chính sách phù hợp, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các công trình du lịch theo quy hoạch và dự án đầu tư cụ thể, đồng thời có chính sách rõ ràng về quản lý đầu tư xây dựng, kinh doanh và phân chia lợi nhuận.

Một số hướng đi cần nghiên cứu áp dụng là:

Nhanh chóng xây dựng các dự án kêu gọi vốn đầu tư cho du lịch Hải Dương, ban hành các quy định ưu đãi về đầu tư như: ưu tiên giải phóng mặt bằng, giảm giá cho thuê đất, miễn giảm các khoản thuế trong một khoảng thời gian nhất định.

Nhanh chóng xây dựng các quy hoạch và dự án đầu tư cụ thể, sử dụng nguồn vốn đầu tư hỗ trợ hạ tầng du lịch của TW đầu tư cho các khu, điểm du lịch làm đòn bẩy thu hút vốn của các thành phần kinh tế khác đầu tư vào sản phẩm du lịch.

Nghiên cứu áp dụng giải pháp “đổi đất lấy hạ tầng”, đấu thầu sử dụng quỹ đất tạo vốn đầu tư phát triển du lịch. Giải pháp này đã được thực hiện có hiệu quả ở một số địa phương trong nước.

Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống thất thu thuế từ các doanh nghiệp và các hộ tư nhân, tiết kiệm những khoản thu không cần thiết, tăng cường liên doanh với các địa phương khác để phát triển du lịch.

Đơn giản hóa thủ tục thành lập doanh nghiệp, cấp giấy phép đầu tư, xác định rõ chức năng trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc hướng dẫn xúc tiến đầu tư, thành lập thêm các tổ chức xúc tiến đầu tư, khuyến khích phát triển, đảm bảo tính cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng của mọi thành phần kinh tế trong khuôn khổ pháp luật.

Tranh thủ sự hỗ trợ của các đoàn thể, tổ chức chính phủ, phi chính phủ, của các bộ ngành, những việt kiều xa quê về nước đầu tư, và đặc biệt huy động nguồn vốn nhàn rỗi từ tong dân.

3.3 Một số kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị với Bộ Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch

Khuyến nghị với Bộ Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch tiếp tục hỗ trợ vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kêu gọi vốn đầu tư của các doanh nghiệp vào các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch.

Bộ Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch tiếp tục chỉ đạo Sở trong việc tăng cường liên kết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch liên vùng, tạo điều kiện cho du lịch Hải Dương phát triển.

Khuyến nghị ban chỉ đạo nhà Nước về Du lịch tiếp tục hỗ trợ kinh phí trong việc tổ chức tuyên truyền quảng bá giới thiệu về tiềm năng du lịch của Hải Dương với du khách trong nước và quốc tế thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho người làm công tác quản lý điều hành du lịch.

3.3.2. Kiến nghị với UBND tỉnh Hải Dương.

Sớm ban hành cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư nhằm thu hút nguồn vốn của các doanh nghiệp trong lĩnh vực phát triển du lịch.

Đẩy nhanh thời gian phê duyệt các dự án có tầm quan trọng đối với sự phát triển du lịch Hải Dương như: hình thành trục văn hóa tâm linh khép kín: Thanh Mai – Chu Văn An – Côn Sơn - Kiếp Bạc, mở rộng khu du lịch sinh thái làng cò Chi Lăng Nam, liên kết các làng nghề du lịch...Bố trí nguồn kinh phí để triển khai các dự án, xây dựng các dự án về cơ sở hạ tầng tại các khu

du lịch quan trọng và nguồn kinh phí cho hoạt động quảng bá xúc tiến phát triển du lịch Hải Dương.

Kiến nghị với UBND tỉnh Hải Dương ra quyết định cho Sở Văn hóa thể thao và du lịch Hải Dương tiến hành lập kế hoạch chi tiết cho phát triển khu du lịch sinh thái làng cò Chi Lăng Nam, tuyến sinh thái đường sông, điểm du lịch An Phụ - Kinh Chủ, Côn Sơn – Kiếp Bạc... tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư phát triển du lịch để du lịch Hải Dương có thể phát triển mạnh trong những năm tới.

Tập trung xây dựng cụm du lịch thành phố Hải Dương, để có được điểm tham quan hấp dẫn đối với du khách.

3.3.3. Kiến nghị với chính quyền địa phương.

Các cấp chính quyền địa phương nơi có các điểm du lịch cần nhận thức rõ được tiềm năng du lịch của địa phương mình, từ đó có chính sách khai thác và sử dụng hợp lý các tài nguyên du lịch, từ đó có chính sách bảo vệ đúng đắn tạo thuận lợi cho du lịch Hải Dương phát triển.

Ban hành các quy định hướng dẫn người dân địa phương thực hiện tốt quy định của nhà Nước về hoạt động kinh doanh du lịch và các hoạt động có liên quan đến hoạt động du lịch.

Tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm cho cộng đồng địa phương về việc khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường.

Tham mưu với UBND tỉnh có chính sách xây dựng và phát triển du lịch Hải Dương để Hải Dương thực sự là điểm du lịch hấp dẫn.

KẾT LUẬN

Hải Dương là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng với nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn khá phong phú. Đây là điều kiện thuận lợi để du lịch Hải Dương phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm chỉ đạo của các Sở, ban, ngành, du lịch Hải Dương đã có những thay đổi đáng kể, du khách đã biết nhiều hơn đến du lịch Hải Dương khi nhắc đến: Côn Sơn – Kiếp Bạc, danh thắng Chu Văn An, sân golf Ngôi Sao Chí Linh, làng cò Chi Lăng Nam, An Phụ - Kính Chủ, hay làng gốm Chu Đậu, làng nghề vàng bạc Châu Khê... bên cạnh đó Hải Dương còn nổi tiếng và thu hút du khách bởi những đặc sản quê hương. Tuy nhiên các tài nguyên du lịch của Hải Dương vẫn còn ở dạng tiềm năng, chưa được khai thác hợp lý, chưa tận dụng hết tiềm năng sẵn có, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch còn nghèo nàn, các khu vui chơi, giải trí và hệ thống các dịch vụ phục vụ khách du lịch hầu như chưa có. Đây chính là nguyên nhân khiến cho du lịch Hải Dương chưa phát triển. Thực tế này đòi hỏi du lịch Hải Dương cần có biện pháp khắc phục mặt hạn chế này, tạo điều kiện cho du lịch Hải Dương có hướng phát triển du lịch trong tương lai.

Căn cứ vào tiềm năng du lịch Hải Dương, thực trạng khai thác các tiềm năng du lịch đó của tỉnh trong thời gian qua, khóa luận đã đưa ra một số giải pháp có tính tham khảo với mong muốn góp phần tìm ra những giải pháp tối ưu, giúp cho Hải Dương tận dụng được hết những tiềm năng du lịch của mình để du lịch Hải Dương phát triển và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Trong quá trình hoàn thành bài khóa luận do sự hạn chế về tầm hiểu biết, công tác điều tra nghiên cứu, phân tích chưa được sâu, đầy đủ nên việc hiểu biết và đánh giá các tiềm năng phát triển, thực trạng phát triển không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Vì vậy kính mong được sự giúp đỡ và đóng góp ý kiến của quý thầy cô, bạn bè... cùng các ban ngành văn hóa – du lịch tại địa phương để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết du lịch Hải Dương qua các năm – Sở Văn Hóa, Thể Thao và du lịch Hải Dương.
2. Báo điện tử Hải Dương, trang web: www.HaiDuong.com.vn.
3. Đề tài “Điều tra hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác nguồn tài nguyên du lịch để phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương” – Sở Văn Hóa, Thể thao và Du lịch Hải Dương.
4. Giáo trình “Địa lý Du lịch” – TS. Nguyễn Minh Tuệ cùng các đồng nghiệp.
5. Giáo trình “Nhập môn khoa học Du lịch” – Trần Đức Thanh.
6. Giáo trình “Quy hoạch Du lịch” – Bùi Thị Hải Yến.
7. Giáo Trình “Tuyên điểm du lịch” – Bùi Thị Hải Yến.
8. Giáo trình “Cơ sở văn hóa Việt Nam” – Trần Ngọc Thêm.
9. Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Dương đến năm 2020 – Sở Văn Hóa, Thể Thao và Du lịch Hải Dương.
10. Trang web: ChiLinhdanhthang.com.vn.
11. Và một số tài liệu tham khảo khác.

